

VĐ Phấn đấu đưa các đơn vị

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **3202/QĐ-BTNMT**

Hà Nội, ngày **11** tháng 12 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt và công bố **Chỉ số cải cách hành chính năm 2014**  
của các **tổng cục, cục trực thuộc Bộ**

28      1891  
12      15

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 2198/QĐ-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường giai đoạn 2012 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 2314/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Bộ Chỉ số theo dõi, đánh giá cải cách hành chính các tổng cục, cục trực thuộc Bộ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt và công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2014 của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ tại Báo cáo kết quả xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2014 của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Căn cứ Chỉ số cải cách hành chính năm 2014, các tổng cục, cục trực thuộc Bộ tổ chức quán triệt, rút kinh nghiệm, đề ra giải pháp đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, cải thiện Chỉ số cải cách hành chính các năm tiếp theo.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng các Vụ: Tổ chức cán bộ, Khoa học và Công nghệ, Pháp chế, Tài chính, Thi đua, Khen thưởng và Tuyên truyền; Chánh Thanh tra Bộ; Tổng cục trưởng các Tổng cục: Biển và Hải đảo Việt Nam,

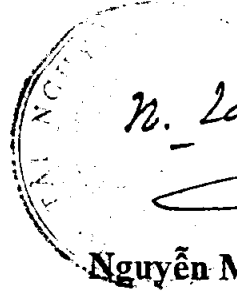
Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Quản lý đất đai, Môi trường; Cục trưởng các Cục: Đo đạc và Bản đồ Việt Nam, Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, Quản lý tài nguyên nước và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Các Thứ trưởng;
- Bộ Nội vụ (Vụ CCHC);
- Các thành viên Hội đồng thẩm định  
Chỉ số CCHC hàng năm của các  
tổng cục, cục trực thuộc Bộ;
- Các thành viên Tổ Thư ký giúp việc  
Hội đồng thẩm định;
- Công Thông tin điện tử của Bộ;
- Lưu: VT, TCCB, KV60.

*ch*

**BỘ TRƯỞNG**

  
*N. Quang*  
**Nguyễn Minh Quang**

## **BÁO CÁO**

**KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH  
NĂM 2014 CỦA CÁC TỔNG CỤC, CỤC TRỰC THUỘC BỘ**

*(Kèm theo Quyết định số 3202/QĐ-BTNMT ngày 11 tháng 12 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

## MỤC LỤC

<b>PHẦN I: TỔNG QUAN CHUNG BỘ CHỈ SỐ THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CÁC TỔNG CỤC, CỤC TRỰC THUỘC BỘ.</b>	<b>3</b>
1. Mục đích.....	4
2. Yêu cầu.....	4
3. Đối tượng.....	4
4. Cấu trúc Bộ Chỉ số cải cách hành chính .....	5
5. Phương pháp đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính.....	5
6. Thang điểm đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính.....	6
<b>PHẦN II: KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2014 CỦA CÁC TỔNG CỤC, CỤC TRỰC THUỘC BỘ.....</b>	<b>7</b>
<b>I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2014 CỦA CÁC TỔNG CỤC, CỤC TRỰC THUỘC BỘ.....</b>	<b>7</b>
1. Công tác tự đánh giá, chấm điểm.....	7
2. Tổ chức điều tra xã hội học .....	8
<b>II. KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2014 CỦA CÁC TỔNG CỤC, CỤC TRỰC THUỘC BỘ .....</b>	<b>9</b>
1. Chỉ số cải cách hành chính tổng hợp .....	9
2. Điểm điều tra xã hội học .....	11
3. Các Chỉ số thành phần theo lĩnh vực .....	13
3.1. <i>Chỉ số thành phần lĩnh vực chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính..</i>	<i>13</i>
3.2. <i>Chỉ số thành phần xây dựng và tổ chức thực hiện thể chế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của đơn vị .....</i>	<i>15</i>
3.3. <i>Chỉ số thành phần cải cách thủ tục hành chính.....</i>	<i>17</i>
3.4. <i>Chỉ số thành phần cải cách tổ chức bộ máy hành chính của đơn vị ...</i>	<i>19</i>
3.5. <i>Chỉ số thành phần xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức.....</i>	<i>21</i>
3.6. <i>Chỉ số thành phần đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp thuộc đơn vị .....</i>	<i>23</i>
3.7. <i>Chỉ số thành phần hiện đại hóa hành chính .....</i>	<i>24</i>
<b>PHẦN III: NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VÀ KIẾN NGHỊ .....</b>	<b>26</b>

## DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Tổng hợp số liệu phiếu điều tra xã hội học .....	9
Bảng 2: Chỉ số CCHC tổng hợp của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ .....	9
Bảng 3: Kết quả Chỉ số CCHC - PAR INDEX.....	11
Bảng 4: Kết quả điều tra xã hội học.....	12
Bảng 5: Chỉ số thành phần chỉ đạo, điều hành CCHC.....	14
Bảng 6: Chỉ số thành phần xây dựng và tổ chức thực hiện.....	16
Bảng 7: Chỉ số thành phần cải cách thủ tục hành chính .....	18
Bảng 8: Chỉ số thành phần cải cách tổ chức bộ máy hành chính.....	20
Bảng 9: Chỉ số thành phần xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CCVC..	22
Bảng 10: Chỉ số thành phần đổi mới cơ chế tài chính .....	23
Bảng 11: Chỉ số thành phần hiện đại hóa hành chính.....	25

## DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1: Xếp hạng Chỉ số CCHC năm 2014 .....	10
Biểu đồ 2: Kết quả Chỉ số CCHC - PAR INDEX.....	11
Biểu đồ 3: Xếp hạng điểm điều tra XHH năm 2014.....	13
Biểu đồ 4: Chỉ số thành phần chỉ đạo, điều hành CCHC.....	15
Biểu đồ 5: Chỉ số thành phần xây dựng và tổ chức thực hiện thể chế.....	17
Biểu đồ 6: Chỉ số thành phần cải cách thủ tục hành chính .....	19
Biểu đồ 7: Chỉ số thành phần cải cách tổ chức bộ máy .....	21
Biểu đồ 8: Chỉ số thành phần xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CCVC	22
Biểu đồ 9: Chỉ số thành phần đổi mới cơ chế tài chính .....	24
Biểu đồ 10: Chỉ số thành phần hiện đại hóa hành chính.....	25

## PHỤ LỤC 1

Quyết định số 2314/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Bộ Chỉ số theo dõi, đánh giá cải cách hành chính của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ.

## PHỤ LỤC 2

Bảng tổng hợp Chỉ số cải cách hành chính năm 2014 của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ qua phân tích các chỉ số thành phần.

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2014 của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ**

#### **PHẦN I**

### **TỔNG QUAN CHUNG BỘ CHỈ SỐ THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CÁC TỔNG CỤC, CỤC TRỰC THUỘC BỘ**

Thực hiện Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính (CCHC) nhà nước giai đoạn 2011 - 2020, Quyết định số 1294/QĐ-BNV ngày 03/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án "Xác định Chỉ số CCHC của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương"; trên cơ sở thực tế theo dõi, đánh giá công tác CCHC của các đơn vị thuộc Bộ; phương pháp theo dõi, đánh giá dựa trên kết quả mà các nước trên thế giới đang áp dụng có hiệu quả trong đánh giá quá trình xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội và đặc biệt là việc triển khai xác định Chỉ số theo dõi, đánh giá CCHC của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ năm 2013, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường đã phê duyệt Quyết định số 2314/QĐ-BTNMT ngày 10/9/2015 ban hành Bộ Chỉ số theo dõi, đánh giá CCHC của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ (thay thế Bộ Chỉ số theo dõi, đánh giá CCHC của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ tại Quyết định số 1736/QĐ-BTNMT ngày 18/8/2014).

Bộ Chỉ số theo dõi, đánh giá CCHC của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ tại Quyết định số 2314/QĐ-BTNMT đã được rà soát, hoàn thiện khắc phục những hạn chế của Bộ Chỉ số cũ, đồng thời được điều chỉnh cho phù hợp hơn với thực tế thực hiện công tác CCHC của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ. Chỉ số CCHC được xác định là công cụ quản lý mới trong triển khai thực hiện Chương trình tổng thể CCHC của Bộ Tài nguyên và Môi trường giai đoạn 2012 - 2020, khắc phục được tính chủ quan, định tính, một chiều trong việc theo dõi, đánh giá công tác CCHC; bảo đảm việc theo dõi, đánh giá một cách khoa học, hệ thống, định lượng và dựa trên kết quả thực hiện, huy động sự tham của các tổ chức, cá nhân trong Bộ và các Sở Tài nguyên và Môi trường vào quá trình đánh giá kết quả, tác động của CCHC để đánh giá một cách thực chất, khách quan hơn, tạo cơ sở để gắn kết quả CCHC với công tác thi đua, khen thưởng; có nhiều tiêu chí rõ ràng, định lượng để khích lệ những đơn vị đạt được kết quả cao trong công tác CCHC và giúp các đơn vị còn hạn chế có khả năng tự nhìn nhận, đánh giá quá trình thực hiện công tác CCHC của mình để có giải pháp cải thiện trong những năm tiếp theo. Hơn nữa, qua xác định Chỉ số CCHC sẽ giúp cho việc xây dựng, nâng cao năng lực và trình độ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức góp

phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của Bộ; thúc đẩy thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử, Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 01/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính (TTHC) trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

### **1. Mục đích**

- Xác định Chỉ số CCHC để theo dõi, đánh giá một cách thực chất, khách quan, công bằng kết quả thực hiện công tác CCHC hàng năm của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình tổng thể CCHC của Bộ giai đoạn 2012 - 2020.

- Đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ CCHC bằng định lượng, trên cơ sở đó so sánh kết quả thực hiện công tác CCHC hàng năm giữa các tổng cục, cục trực thuộc Bộ.

- Thông qua Chỉ số CCHC xác định rõ mặt mạnh, mặt hạn chế trong thực hiện công tác CCHC, qua đó giúp các đơn vị có những điều chỉnh cần thiết về kế hoạch, giải pháp thực hiện công tác CCHC hàng năm nhằm nâng cao hiệu quả công tác CCHC, xây dựng nền hành chính trong sạch, vững mạnh, hiệu lực, hiệu quả.

### **2. Yêu cầu**

- Chỉ số CCHC bám sát nội dung của Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 và Quyết định số 2198/QĐ-BTNMT ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Chương trình tổng thể CCHC của Bộ giai đoạn 2012 - 2020.

- Việc xác định Chỉ số CCHC phải bảo đảm tính khả thi, phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tế của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ và đánh giá thực chất, khách quan kết quả thực hiện công tác CCHC theo chu kỳ năm tại các đơn vị này.

- Có sự tham gia đánh giá của các đơn vị liên quan và Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với quá trình thực hiện công tác CCHC của các tổng cục, cục.

- Hình thành được hệ thống theo dõi, đánh giá đồng bộ, thống nhất về công tác CCHC của Bộ và các đơn vị trực thuộc Bộ.

### **3. Đối tượng**

Đối tượng đánh giá là các tổng cục, cục trực thuộc Bộ thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản, địa chất; môi trường; khí tượng thủy văn; biến đổi khí hậu; đo đạc và bản đồ; quản lý tổng hợp và thống nhất về biển và

hải đảo. Như vậy, sẽ có 07 đơn vị trực thuộc Bộ (04 Tổng cục: Biên và Hải đảo Việt Nam, Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Quản lý đất đai, Môi trường và 03 Cục: Đo đạc và Bản đồ Việt Nam, Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, Quản lý tài nguyên nước) thực hiện xác định Chỉ số CCHC năm 2014.

#### **4. Cấu trúc Bộ Chỉ số cải cách hành chính**

Chỉ số CCHC được xác định trên 07 lĩnh vực (tương ứng với 07 chỉ số thành phần), 36 tiêu chí và 82 tiêu chí thành phần (chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo), cụ thể:

- *Lĩnh vực 1 (22 điểm)*: công tác chỉ đạo, điều hành CCHC (gồm: 07 tiêu chí và 20 tiêu chí thành phần);

- *Lĩnh vực 2 (12,5 điểm)*: xây dựng và thực hiện thể chế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của đơn vị (05 tiêu chí và 13 tiêu chí thành phần);

- *Lĩnh vực 3 (16 điểm)*: cải cách thủ tục hành chính (07 tiêu chí và 10 tiêu chí thành phần);

- *Lĩnh vực 4 (12 điểm)*: cải cách tổ chức bộ máy hành chính của đơn vị (05 tiêu chí và 8 tiêu chí thành phần);

- *Lĩnh vực 5 (16,5 điểm)*: xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức (05 tiêu chí và 12 tiêu chí thành phần);

- *Lĩnh vực 6 (8,5 điểm)*: đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp thuộc đơn vị (04 tiêu chí và 7 tiêu chí thành phần);

- *Lĩnh vực 7 (12,5 điểm)*: hiện đại hóa hành chính (03 tiêu chí và 12 tiêu chí thành phần).

Trong đó, 12 tiêu chí, tiêu chí thành phần là điều tra xã hội học. Vụ Tổ chức cán bộ đã phối hợp Cục Công nghệ thông tin để hoàn thiện phần mềm thống kê Epidata và phần mềm xử lý số liệu Statistical Product and Services Solutions (SPSS) để cập nhật và phân tích số liệu.

#### **5. Phương pháp đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính**

Việc đánh giá, xác định Chỉ số CCHC của các tổng cục, cục được thực hiện theo phương pháp sau:

- *Tự đánh giá*: các tổng cục, cục tự theo dõi, đánh giá và chấm điểm kết quả thực hiện công tác CCHC của đơn vị theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần quy định tại Bộ Chỉ số CCHC và hướng dẫn của Bộ tại Công văn số 3963/BTNMT-TCCB ngày 22/9/2015 về việc hướng dẫn tự đánh giá, chấm điểm Bộ Chỉ số theo dõi, đánh giá CCHC hàng năm của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ (kèm theo các tài liệu kiểm chứng).



- *Thẩm định*: Vụ Tô chức cán bộ chủ trì, phối hợp với Tô công tác xác định Chỉ số CCHC hàng năm của Bộ thẩm định điểm tự đánh giá của các tổng cục, cục dưới sự chỉ đạo của Hội đồng thẩm định Chỉ số CCHC hàng năm của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ (sau đây viết tắt là Hội đồng thẩm định). Căn cứ vào thực tế theo dõi, điểm tự đánh giá của các tổng cục, cục và điểm sau khi thẩm định, Hội đồng thẩm định trao đổi, thống nhất báo cáo Bộ trưởng xem xét, công nhận hoặc điều chỉnh trên cơ sở thực tế và tài liệu kiểm chứng; điểm này được gọi là điểm Bộ đánh giá.

- *Đánh giá thông qua điều tra xã hội học*: số tiêu chí, tiêu chí thành phần đánh giá qua điều tra xã hội học là 12. Theo đó, Bộ xây dựng bộ câu hỏi điều tra xã hội học với số lượng, nội dung câu hỏi tương ứng với các tiêu chí, tiêu chí thành phần của Bộ Chỉ số CCHC.

Việc điều tra xã hội học được tiến hành khảo sát, lấy ý kiến đánh giá của 05 nhóm đối tượng, gồm: (1) lãnh đạo các vụ trực thuộc Bộ, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ; (2) lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Bộ; (3) lãnh đạo các tổ chức trực thuộc tổng cục, cục trực thuộc Bộ; (4) lãnh đạo cấp phòng của các vụ trực thuộc Bộ, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ; (5) Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

## **6. Thang điểm đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính**

Thang điểm đánh giá, xác định Chỉ số CCHC là 100, trong đó:

- Điểm tự đánh giá và được Hội đồng thẩm định: 80/100;
- Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học: 20/100.

Việc đánh giá, xác định điểm điều tra xã hội học được thực hiện trên phần mềm thống kê Epidata và phần mềm xử lý số liệu SPSS với nguyên tắc cho điểm đối với Phiếu khảo sát như sau:

- Mức tốt hoặc tương đương đạt 100% điểm của tiêu chí;
- Mức khá hoặc tương đương đạt 70% điểm của tiêu chí;
- Mức trung bình hoặc tương đương đạt 50% điểm của tiêu chí;
- Mức kém hoặc tương đương đạt 30% điểm của tiêu chí.

## PHẦN II

# KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2014 CỦA CÁC TỔNG CỤC, CỤC TRỰC THUỘC BỘ

### I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2014 CỦA CÁC TỔNG CỤC, CỤC TRỰC THUỘC BỘ

Thực hiện Quyết định số 1765/QĐ-BTNMT ngày 01/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Kế hoạch triển khai xác định Chỉ số theo dõi, đánh giá CCHC năm 2014 của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ; các tổng cục, cục trực thuộc Bộ đã tổ chức thực hiện và gửi Bộ báo cáo kết quả tự đánh giá, chấm điểm của đơn vị; kết quả như sau:

#### 1. Công tác tự đánh giá, chấm điểm

Bộ trưởng đã ban hành Quyết định số 571/QĐ-BTNMT ngày 19/3/2015 thành lập Hội đồng thẩm định Chỉ số CCHC hàng năm của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ và Tổ Thư ký giúp việc Hội đồng thẩm định (sau đây viết tắt là Tổ Thư ký) do Thứ trưởng Nguyễn Thị Phương Hoa làm Chủ tịch Hội đồng, thành phần Hội đồng thẩm định và Tổ Thư ký gồm đại diện lãnh đạo và chuyên viên của các Vụ: Kế hoạch; Tài chính; Pháp chế; Khoa học và Công nghệ; Thi đua, Khen thưởng và Tuyên truyền; Tổ chức cán bộ; Thanh tra Bộ; Văn phòng Bộ; Cục Công nghệ thông tin và 01 đại diện Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ. Đây là những đơn vị được Bộ giao chủ trì thực hiện các nhiệm vụ CCHC theo quy định tại Nghị quyết số 30c/NQ-CP. Việc thành lập Hội đồng thẩm định nhằm rà soát, thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các đơn vị, bảo đảm tăng tính chính xác, khách quan, công bằng trong đánh giá, chấm điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC. Hội đồng thẩm định và Tổ Thư ký đã làm việc nghiêm túc, khách quan, đúng quy định; theo đó, các kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ được rà soát kỹ lưỡng để bảo đảm kết quả đánh giá từng tiêu chí, tiêu chí thành phần được chính xác, công bằng giữa các tổng cục, cục. Trên cơ sở rà soát, thẩm định nêu trên, Hội đồng thẩm định đã báo cáo Bộ trưởng xem xét, phê duyệt và công bố kết quả xác định Chỉ số CCHC năm 2014 của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ.

Bộ đã ban hành Công văn số 3963/BTNMT-TCCB để hướng dẫn chi tiết phương pháp tự đánh giá, chấm điểm đối với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần của Bộ Chỉ số CCHC.

Đến đầu tháng 11/2015, đã có 7/7 đơn vị gửi báo cáo tự đánh giá, chấm điểm của đơn vị kèm theo tài liệu kiểm chứng về Vụ Tổ chức cán bộ; đa số các báo cáo tự đánh giá, chấm điểm gửi về muộn và không kèm theo đầy đủ tài liệu kiểm chứng theo quy định. Mặc dù là năm thứ hai thực hiện xác định Chỉ số CCHC nhưng các đơn vị gửi kết quả tự đánh giá, chấm điểm vẫn còn sơ sài,

không rõ, tài liệu kiểm chứng ít nên việc thẩm định, đánh giá lại của Vụ Tổ chức cán bộ và Tổ Thư ký giúp việc Hội đồng mất nhiều thời gian.

Ngay sau khi nhận được báo cáo tự đánh giá, chấm điểm của đơn vị, Tổ Thư ký đã tổ chức rà soát, thẩm định điểm tự chấm của các đơn vị theo đúng văn bản hướng dẫn tự đánh giá, chấm điểm của Bộ. Đối với các tiêu chí, tiêu chí thành phần chấm không chính xác, không có tài liệu kiểm chứng hoặc thiếu căn cứ, Tổ Thư ký đã liên hệ với công chức làm đầu mối tự đánh giá, chấm điểm của từng đơn vị, gửi Văn bản thông báo kết quả rà soát, thẩm định đến thủ trưởng các đơn vị và yêu cầu giải trình, bổ sung tài liệu kiểm chứng hoặc căn cứ để bảo đảm tính khách quan, công bằng cho việc xác định Chỉ số CCHC. Thực tế, các đơn vị đã cung cấp thêm rất nhiều tài liệu kiểm chứng và căn cứ giúp cho Vụ Tổ chức cán bộ và Tổ Thư ký có thêm cơ sở, căn cứ rà soát, thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của đơn vị. Sau khi các đơn vị bổ sung tài liệu kiểm chứng hoặc căn cứ, Tổ Thư ký tiếp tục rà soát, thẩm định và trao đổi thống nhất kết quả thẩm định Chỉ số CCHC năm 2014 của các đơn vị để báo cáo Hội đồng thẩm định xem xét, trình Bộ trưởng.

Như vậy, việc tổ chức rà soát, thẩm định điểm tự chấm của các đơn vị một cách nghiêm túc, trách nhiệm đã giúp Bộ có kết quả chi tiết điểm đánh giá từng tiêu chí, tiêu chí thành phần của từng tổng cục, cục với đầy đủ căn cứ bảo đảm tính chính xác, khách quan, công bằng, đồng thuận trong đánh giá, xác định Chỉ số CCHC và gắn với trách nhiệm đánh giá của các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan. Điểm đánh giá này là một phần quan trọng quyết định đến kết quả xác định Chỉ số CCHC năm 2014 của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ.

## **2. Tổ chức điều tra xã hội học**

Trong năm 2015, Bộ đã hướng dẫn cụ thể các đơn vị thực hiện công tác điều tra xã hội học bằng cách lấy ý kiến qua Phiếu khảo sát đối với 5 nhóm đối tượng nêu trên để đánh giá kết quả thực hiện công tác CCHC năm 2014 của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ. Ngoài ra, Bộ cũng đăng tải Phiếu khảo sát trên Cổng thông tin điện tử của Bộ để lấy ý kiến của các tổ chức, cá nhân nhưng đến nay Bộ chưa nhận được ý kiến của tổ chức, cá nhân nào về nội dung này.

Vụ Tổ chức cán bộ đã phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ và Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để tổ chức lấy Phiếu khảo sát điều tra xã hội học. Đến nay, Vụ Tổ chức cán bộ đã nhận được tổng số 419/436 phiếu phát ra, đạt 96,1%, cụ thể các nhóm đối tượng lấy ý kiến như sau:

**Bảng 1: Tổng hợp số liệu phiếu điều tra xã hội học**

STT	Nhóm đối tượng	Số phiếu phát ra	Số phiếu thu về	Tỷ lệ thu về (%)	Số phiếu hợp lệ	Số phiếu không hợp lệ
1	Lãnh đạo các vụ trực thuộc Bộ, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ	36	36	100	22	14
2	Lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Bộ	94	94	100	89	5
3	Lãnh đạo các tổ chức trực thuộc tổng cục, cục	185	185	100	183	2
4	Lãnh đạo cấp phòng của vụ trực thuộc Bộ, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ	58	58	100	47	11
5	Giám đốc Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	63	46	73,02	42	4
	<b>Tổng cộng</b>	<b>436</b>	<b>419</b>	<b>96,10</b>	<b>383</b>	<b>36</b>

## II. KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2014 CỦA CÁC TỔNG CỤC, CỤC TRỰC THUỘC BỘ

### 1. Chỉ số cải cách hành chính tổng hợp

**Bảng 2: Chỉ số CCHC tổng hợp của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ**

STT	Tên đơn vị	Điểm đơn vị tự chấm	Điểm Hội đồng thẩm định	Điểm điều tra XHH	Chỉ số CCHC
1	Cục Quản lý tài nguyên nước	79,50	73,50	15,04	<b>88,54</b>
2	Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam	77,75	72,00	14,88	<b>86,88</b>
3	Tổng cục Quản lý đất đai	79,00	70,00	14,76	<b>84,76</b>
4	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	78,00	64,00	14,84	<b>78,84</b>
5	Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	72,25	61,25	14,80	<b>76,05</b>
6	Tổng cục Môi trường	79,00	59,75	14,73	<b>74,48</b>
7	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	77,25	59,50	14,24	<b>73,74</b>
	<b>Giá trị trung bình</b>				<b>80,47</b>

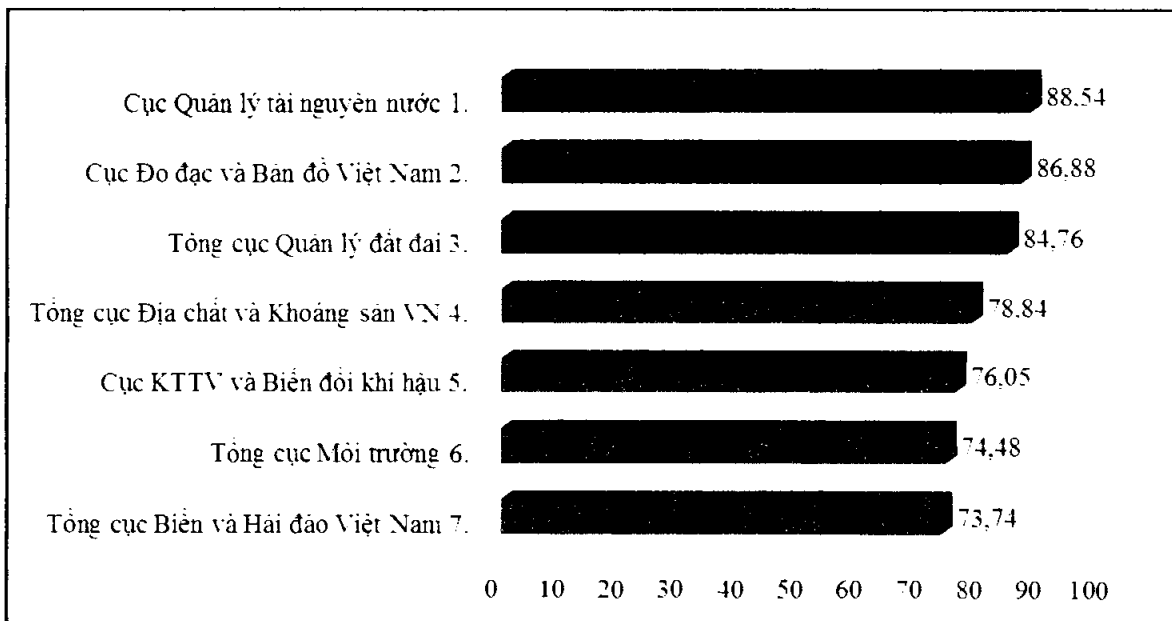
Từ kết quả xác định Chỉ số CCHC năm 2014 của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ đã cho thấy:

- Một là, điểm trung bình của các đơn vị đạt được là 80,47 điểm (tăng so với điểm trung bình năm 2013 là 74,93 điểm), đạt mức cao.

- Hai là, có 03 đơn vị đạt Chỉ số CCHC năm 2014 trên điểm trung bình là Cục Quản lý tài nguyên nước (88,54 điểm), Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam (86,88 điểm) và Tổng cục Quản lý đất đai (84,76 điểm); 04 đơn vị còn lại đạt thấp hơn giá trị trung bình. Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam đạt Chỉ số CCHC năm 2014 thấp nhất với 73,74 điểm, xếp thứ 7/7 tổng cục, cục trực thuộc Bộ. Tuy nhiên Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam là một trong hai đơn vị có sự cải thiện lớn về điểm số so với năm 2013.

- Ba là, nhóm các đơn vị đạt trên 70 điểm đến dưới 80 điểm có 04 đơn vị là Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, Tổng cục Môi trường và Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam nhưng điểm chênh lệch giữa các đơn vị trong nhóm này không lớn.

**Biểu đồ 1: Xếp hạng Chỉ số CCHC năm 2014 của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ**



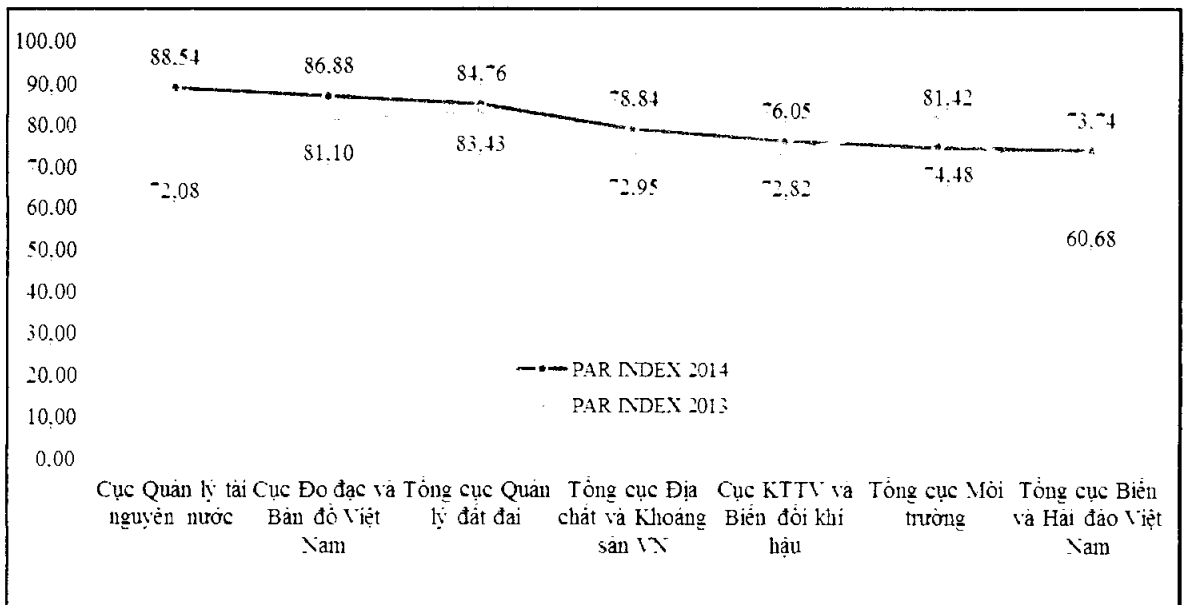
Chỉ số CCHC năm 2014 cho thấy, so với năm 2013 các tổng cục, cục trực thuộc Bộ đã có nhiều cố gắng trong chỉ đạo thực hiện công tác CCHC; từ chỉ đạo, điều hành đến nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức; cải cách thể chế; cải cách tổ chức bộ máy cũng như hiện đại hóa nền hành chính. Những nỗ lực này được thể hiện qua chỉ số CCHC năm 2014 của các đơn vị đều có kết quả tốt hơn so với năm 2013. Hai đơn vị có điểm tăng nhiều nhất là Cục Quản lý tài nguyên nước (tăng 16,46 điểm) và Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam (tăng 13,06 điểm).

Tuy nhiên, ở mức độ đo lường định lượng kết quả đạt được tại từng lĩnh vực, chỉ số thành phần vẫn cho thấy những điểm cần phải cải thiện nhiều hơn nữa, cụ thể tại phần 3, Mục II về các chỉ số thành phần theo lĩnh vực của Báo cáo này.

**Bảng 3: Kết quả Chỉ số CCHC - PAR INDEX  
của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ qua các năm 2014 và 2013**

STT	Tên đơn vị	PAR INDEX 2014	PAR INDEX 2013	Trung bình PAX INDEX qua 2 năm	Giá trị tăng/ giảm của năm 2014 so với năm 2013
1	Cục Quản lý tài nguyên nước	<b>88,54</b>	72,08	80,31	16,46
2	Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam	<b>86,88</b>	81,10	83,99	5,78
3	Tổng cục Quản lý đất đai	<b>84,76</b>	83,43	84,10	1,33
4	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam hậu	<b>78,84</b>	72,95	75,90	5,89
5	Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	<b>76,05</b>	72,82	74,44	3,23
6	Tổng cục Môi trường	<b>74,48</b>	81,42	77,95	- 6,94
7	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	<b>73,74</b>	60,68	67,21	13,06
	<b>Giá trị trung bình</b>	<b>80,47</b>	<b>74,93</b>		

**Biểu đồ 2: Kết quả Chỉ số CCHC - PAR INDEX  
của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ qua 2 năm 2014 và 2013**



## 2. Điểm điều tra xã hội học

Năm 2014, rút kinh nghiệm của công tác điều tra xã hội học năm 2013, các tiêu chí điều tra xã hội học đã tập trung vào đánh giá kết quả chỉ đạo, điều hành CCHC của đơn vị thông qua các tiêu chí: tính kịp thời, chất lượng các văn bản chỉ đạo, điều hành và việc bố trí nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ CCHC; đánh giá tính kịp thời và khả thi của các cơ chế, chính sách; đánh giá về

TTHC của đơn vị thông qua các tiêu chí về mức độ cần thiết và mức độ thuận tiện trong việc thực hiện TTHC; kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị; đánh giá năng lực chuyên môn nghiệp vụ, trách nhiệm và thái độ phục vụ của công chức, viên chức trong thực thi nhiệm vụ của đơn vị; tác động của việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập của các đơn vị; đánh giá mức độ kịp thời, đầy đủ thông tin đối với văn bản thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của đơn vị được cung cấp trên Cổng thông tin điện tử.

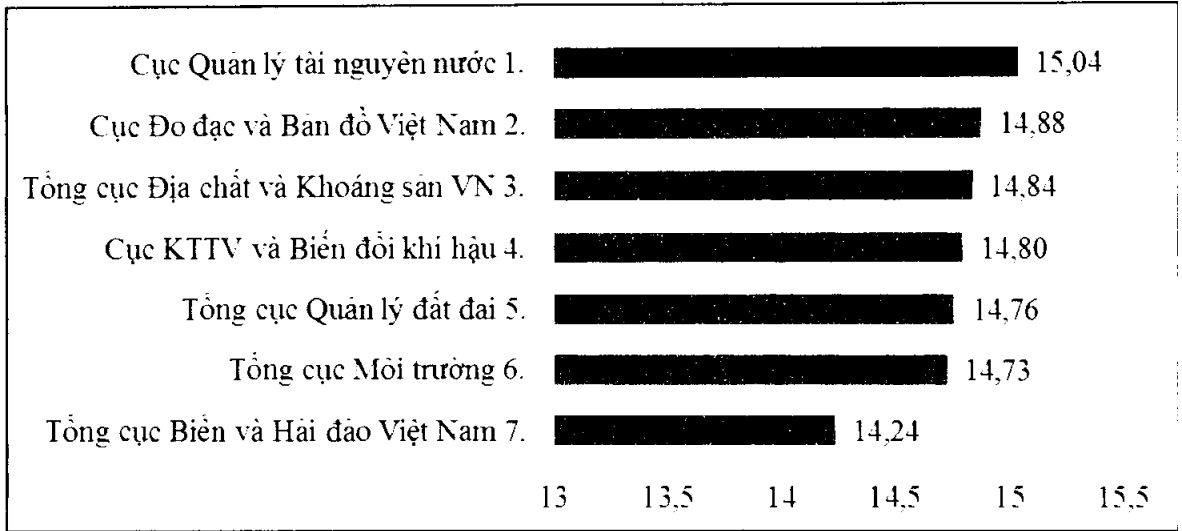
Trên cơ sở tổng hợp kết quả Phiếu khảo sát ý kiến và xử lý số liệu (qua phần mềm Epidata và phần mềm SPSS) đã xác định được điểm của 12 tiêu chí đánh giá năm 2014 đối với các tổng cục, cục trực thuộc Bộ, cụ thể như sau:

**Bảng 4: Kết quả điều tra xã hội học**

STT	Tên đơn vị	Điểm điều tra xã hội học
1	Cục Quản lý tài nguyên nước	15,04
2	Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam	14,88
3	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	14,84
4	Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	14,80
5	Tổng cục Quản lý đất đai	14,76
6	Tổng cục Môi trường	14,73
7	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	14,24

Từ kết quả điều tra xã hội học cho thấy tất cả các đơn vị đạt từ 71% đến 75% điểm so với điểm tối đa. Điều này cho thấy công tác CCHC và việc xây dựng, đề xuất các cơ chế, chính sách của các tổng cục, cục được xã hội đánh giá khá kịp thời, hiệu quả. Năm 2014, Cục Quản lý tài nguyên nước đạt điểm điều tra xã hội học cao nhất (15,04 điểm) cũng là đơn vị đạt Chỉ số CCHC năm 2014 cao nhất, Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam đạt điểm điều tra xã hội học năm 2014 thấp nhất (14,24 điểm) cũng là đơn vị đạt Chỉ số CCHC năm 2014 thấp nhất, các đơn vị còn lại đều có số điểm điều tra xã hội học chênh lệch nhau không nhiều. Như vậy, kết quả điều tra xã hội học của các đơn vị năm 2014 và kết quả đánh giá Chỉ số CCHC năm 2014 là khá tương đồng với nhau, cho thấy điểm do Bộ đánh giá và điểm điều tra xã hội học đã phản ánh khá trung thực kết quả thực hiện công tác CCHC của các đơn vị.

**Biểu đồ 3: Xếp hạng điểm điều tra XHH năm 2014  
của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ**



**3. Các Chỉ số thành phần theo lĩnh vực**

**3.1. Chỉ số thành phần lĩnh vực chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính  
(Tổng 22 điểm: 16 điểm Bộ đánh giá và 6 điểm điều tra xã hội học)**

Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC được xác định là một trong những giải pháp quan trọng để thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 và Chương trình tổng thể CCHC của Bộ giai đoạn 2012 - 2020. Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC có ý nghĩa quan trọng đối với việc thực hiện tốt, có hiệu quả các mục tiêu của Chương trình tổng thể CCHC và là nhân tố ảnh hưởng từ nhận thức đến quyết tâm thực hiện công tác CCHC. Theo đó, thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm chỉ đạo thống nhất việc thực hiện công tác CCHC của đơn vị; xác định CCHC là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong suốt nhiệm kỳ công tác; xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể trong từng thời gian, từng lĩnh vực; phân công rõ trách nhiệm của từng tổ chức trực thuộc và từng công chức, viên chức; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện công tác CCHC của đơn vị.

Công tác chỉ đạo, điều hành của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ trong tổ chức thực hiện công tác CCHC đã được khẳng định cả về tầm quan trọng cũng như nhiệm vụ phải thực hiện, theo đó gắn liền với nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và phân công, phân cấp quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường. Trong những năm qua, công tác chỉ đạo, điều hành vẫn luôn được các tổng cục, cục coi trọng và quan tâm thực hiện. Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành CCHC đi kèm với đẩy mạnh phân công, phân cấp chức năng, nhiệm vụ gắn với quyền hạn, trách nhiệm của thủ trưởng đơn vị; trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện gắn với trách nhiệm của người đứng đầu. Thực tiễn cho thấy, trong thực hiện công tác CCHC nói chung và công tác chỉ đạo, điều hành CCHC



nói riêng, để đạt kết quả tốt đòi hỏi phải có sự quyết tâm của người đứng đầu đơn vị trong việc thực hiện công tác CCHC.

**Bảng 5: Chỉ số thành phần chỉ đạo, điều hành CCHC**

STT	Tên đơn vị	Điểm 2014	Điểm 2013	Giá trị tăng/ giảm của năm 2014 so với năm 2013
1	Cục Quản lý tài nguyên nước	<b>14,50</b>	11,00	3,50
2	Tổng cục Môi trường	<b>14,50</b>	11,75	2,75
3	Tổng cục Quản lý đất đai	<b>14,00</b>	14,25	- 0,25
4	Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam	<b>11,50</b>	11,50	0,00
5	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	<b>11,50</b>	9,50	2,00
6	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	<b>10,75</b>	3,25	7,50
7	Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	<b>7,75</b>	8,75	- 1,00
	<b>Giá trị trung bình</b>	<b>12,07</b>	<b>10,00</b>	

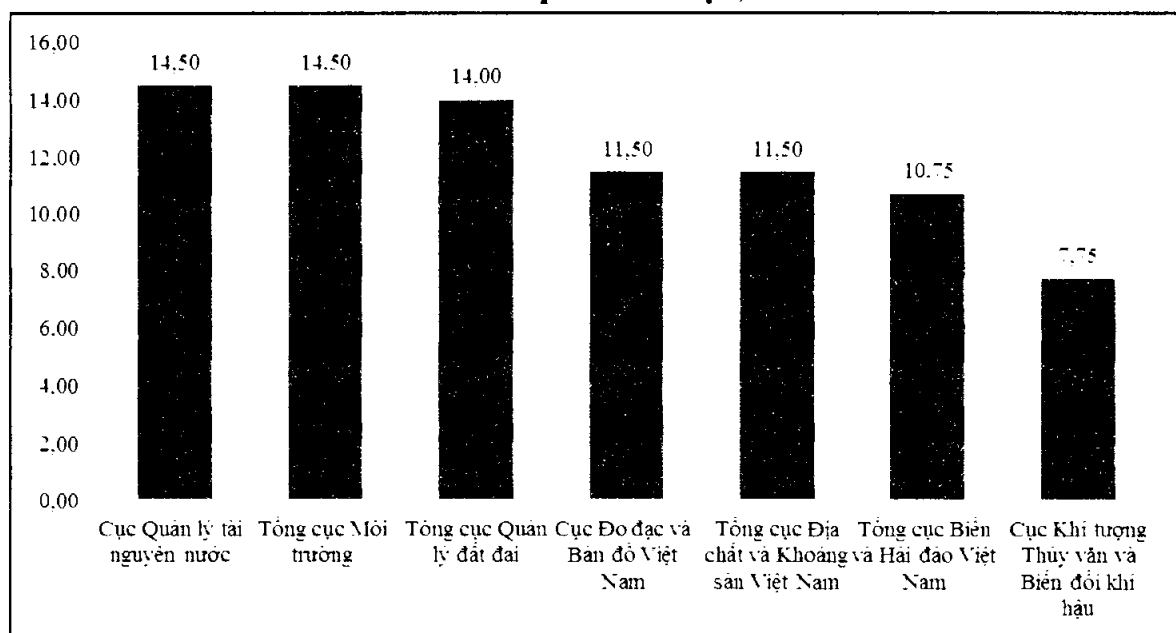
Qua kết quả xác định chỉ số chỉ đạo, điều hành CCHC năm 2014 cho thấy giá trị trung bình chỉ số chỉ đạo, điều hành các tổng cục, cục năm 2014 cao hơn năm 2013 (năm 2013 đạt 10 điểm; năm 2014 đạt 12,07 điểm). Điều này cho thấy các đơn vị đã quan tâm, tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành CCHC; đã đẩy mạnh thực hiện công tác CCHC năm 2014 trên cơ sở chú trọng hơn đến công tác lập kế hoạch CCHC với những nội dung quan trọng, có tác động đến hoạt động quản lý nhà nước của đơn vị như: kế hoạch kiểm tra công tác CCHC; kiểm tra, rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; kiểm tra công tác tổ chức cán bộ... Đặc biệt, công tác kiểm tra và tuyên truyền CCHC đã được các đơn vị thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả.

Kết quả cho thấy, 4/7 đơn vị có kết quả tăng; một đơn vị có kết quả giữ nguyên và 2/7 đơn vị có kết quả kém hơn so với năm 2013. Các đơn vị thực hiện khá tốt công tác chỉ đạo, điều hành CCHC, đứng đầu là Cục Quản lý tài nguyên nước và Tổng cục Môi trường đều đạt 14,5/16 điểm (Cục Quản lý tài nguyên nước tăng 3,5 điểm, Tổng cục Môi trường tăng 2,75 điểm so với năm 2013). Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam là đơn vị đã có nhiều cố gắng và có mức tăng điểm nhiều nhất là 7,50 điểm so với năm 2013 đạt 10,75 điểm. Tổng cục Quản lý đất đai và Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu là hai đơn vị có kết quả giảm so với năm 2013 (Tổng cục Quản lý đất đai đạt 14/16 điểm, giảm 0,25 điểm; Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu đạt 7,75/16 điểm, giảm 1 điểm).

Nhìn chung, những đơn vị có kết quả tốt là những đơn vị đã có sự quan tâm và chỉ đạo quyết liệt của lãnh đạo đơn vị trong việc triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch CCHC của Bộ, của đơn vị như: đã nghiêm túc xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch CCHC, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch kiểm tra công tác CCHC, công tác tổ chức cán bộ... và báo cáo thực hiện công tác CCHC đầy đủ, gửi đúng thời hạn, bảo đảm chất lượng.

Tuy nhiên, vẫn còn đơn vị chưa coi trọng và chưa quan tâm nhiều tới công tác chỉ đạo, điều hành CCHC, chưa chú trọng việc ban hành và tổ chức thực hiện các kế hoạch theo quy định, cũng như chưa có những chính sách thích hợp tăng cường sự năng động, hiệu quả trong công tác CCHC. Một số đơn vị không xây dựng và thực hiện kế hoạch kiểm tra CCHC (3/7 đơn vị không có kế hoạch) và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo CCHC chưa bảo đảm thời gian; một số đơn vị chưa có sự tham gia lãnh đạo của tổ chức Đảng, đoàn thể trong công tác CCHC. Điều này làm cho chỉ số chỉ đạo, điều hành CCHC năm 2014 của một số đơn vị mặc dù đã được quan tâm nhưng còn hạn chế, như: Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

**Biểu đồ 4: Chỉ số thành phần chỉ đạo, điều hành CCHC**



### **3.2. Chỉ số thành phần xây dựng và tổ chức thực hiện thể chế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của đơn vị**

*(Tổng 12,5 điểm: 9,5 điểm Bộ đánh giá và 3 điểm điều tra xã hội học)*

Cải cách thể chế là một nội dung quan trọng và được chú trọng thực hiện từ Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2003 - 2010 của Bộ. Công tác cải cách thể chế được tiếp tục xác định là một nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong Chương trình tổng thể CCHC giai đoạn 2012 - 2020 của Bộ. Toàn Ngành xác định công tác xây dựng thể chế, chính sách, pháp luật về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, do đó, trong

năm 2014, Bộ đã tập trung chỉ đạo xây dựng, trình Chính phủ đề trình Quốc hội thông qua Luật bảo vệ môi trường (sửa đổi) tại kỳ họp thứ 7; trình Quốc hội cho ý kiến về dự án Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, Luật khí tượng thủy văn; tổ chức thực hiện hiệu quả các văn bản luật đã được ban hành như Luật khoáng sản, Luật tài nguyên nước, Luật đất đai sửa đổi.

Các tiêu chí của Chỉ số thành phần xây dựng và tổ chức thực hiện thể chế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ đã được sửa đổi để đánh giá, chấm điểm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật của đơn vị; các tiêu chí, tiêu chí thành phần đã phản ánh đúng công tác quản lý nhà nước của các tổng cục, cục đối với lĩnh vực được Bộ giao.

**Bảng 6: Chỉ số thành phần xây dựng và tổ chức thực hiện thể chế**

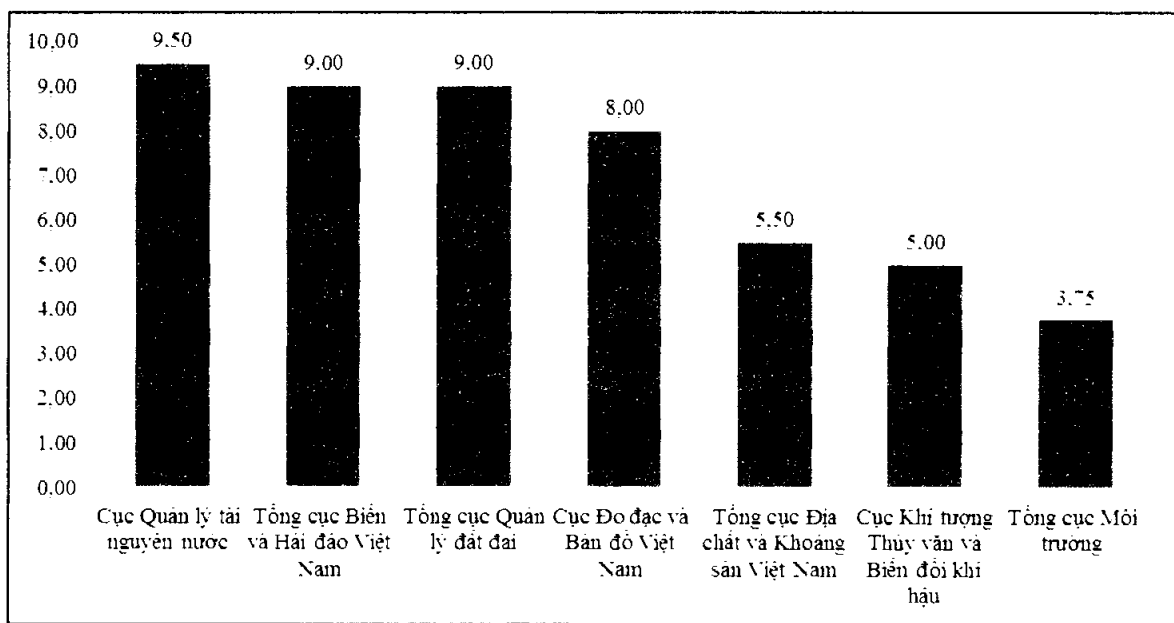
STT	Tên đơn vị	Điểm 2014	Điểm 2013	Giá trị tăng/giảm của năm 2014 so với năm 2013
1	Cục Quản lý tài nguyên nước	9,50	8,00	1,50
2	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	9,00	5,50	3,50
3	Tổng cục Quản lý đất đai	9,00	9,50	- 0,50
4	Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam	8,00	7,50	0,50
5	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	5,50	5,00	0,50
6	Cục Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu	5,00	8,50	- 3,50
7	Tổng cục Môi trường	3,75	9,00	- 5,25
	<b>Giá trị Trung bình</b>	<b>7,11</b>	<b>7,57</b>	

Các đơn vị đạt điểm số cao tại chỉ số thành phần xây dựng và tổ chức thực hiện thể chế năm 2014 là các đơn vị sớm xây dựng kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch kiểm tra thực hiện, kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật. Cục Quản lý tài nguyên nước là đơn vị được đánh giá cao nhất với 9,5/9,5 điểm Bộ đánh giá, tiếp theo là Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam và Tổng cục Quản lý đất đai đạt 9/9,5 điểm, trong đó Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam là đơn vị có sự bứt phá mạnh so với năm 2013 (tăng 3,5 điểm).

Qua kết quả xác định cho thấy, giá trị trung bình của chỉ số thành phần xây dựng và tổ chức thực hiện thể chế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của các tổng cục, cục năm 2014 thấp hơn so với năm 2013 (năm 2013 đạt 7,57 điểm; năm 2014 đạt 7,11 điểm). Điều này là do điểm của một số đơn vị năm 2014 bị

giảm nhiều so với năm 2013, cụ thể như sau: Tổng cục Môi trường đạt điểm thấp nhất là 3,75/9,5 (giảm 5,5 điểm so với năm 2013) và Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu đạt 5/9,5 điểm (giảm 3,5 điểm so với năm 2013). Tổng cục Môi trường chỉ hoàn thành được dưới 50% kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2014, không thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, không ban hành kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật. Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu chưa thực hiện tốt công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo kế hoạch của Bộ, không thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của đơn vị. Nếu đơn vị bảo đảm chất lượng và tỷ lệ thực hiện kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật thông qua đó có những đề xuất, kiến nghị với Bộ để có những biện pháp xử lý kịp thời, nâng cao tính khả thi và hiệu quả của cơ chế, chính sách có ý nghĩa quan trọng đối với công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường và sẽ có tác động tích cực đối với công tác CCHC của Bộ nói chung, nâng cao Chỉ số CCHC của Bộ các năm tiếp theo.

**Biểu đồ 5: Chỉ số thành phần xây dựng và tổ chức thực hiện thể chế**



### 3.3. Chỉ số thành phần cải cách thủ tục hành chính

(Tổng 16 điểm: 13 điểm Bộ đánh giá và 3 điểm điều tra xã hội học)

Trong năm 2014, cải cách TTHC là chủ đề được Thủ tướng Chính phủ cũng như lãnh đạo Bộ đặc biệt quan tâm, chỉ đạo quyết liệt. Tại các đơn vị trực thuộc Bộ, cải cách TTHC được coi là khâu đột phá trong mối quan hệ giải quyết công việc giữa cơ quan nhà nước với tổ chức, cá nhân, góp phần nâng cao hình ảnh của Bộ, của cơ quan được Bộ giao thực hiện công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường và đẩy mạnh công tác CCHC nói chung. Chỉ số thành phần cải cách TTHC là một nội dung quan trọng trong xác định Chỉ số CCHC

và xây dựng bộ công cụ tiêu chuẩn đo lường nhằm đánh giá các tổng cục, cục trực thuộc Bộ trong triển khai thực hiện công tác CCHC của đơn vị.

Chỉ số thành phần cải cách TTHC được xây dựng và đánh giá theo các nội dung rà soát, cập nhật, đơn giản hóa và công khai TTHC (đã được chỉnh sửa, bổ sung so với năm 2013). Trong năm 2014, Bộ đã tăng cường đơn giản hóa TTHC theo hướng giảm các bước, quy trình xử lý công việc, công khai, minh bạch tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Tổng số TTHC về đất đai, hiện nay là 41 thủ tục đối với nơi đã thành lập văn phòng đăng ký đất đai một cấp (giảm 30 thủ tục so với trước đây); 62 thủ tục đối với nơi chưa thành lập văn phòng đăng ký đất đai một cấp (giảm 09 thủ tục so với trước đây). Bộ cũng đã hoàn thành việc cập nhật TTHC lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước, biển và hải đảo trên Cổng thông tin điện tử của Bộ và cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC và tiếp tục thực hiện Đề án tổng thể đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân và cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (Đề án 896).

**Bảng 7: Chỉ số thành phần cải cách thủ tục hành chính**

STT	Tên đơn vị	Điểm 2014	Điểm 2013	Giá trị tăng/ giảm của năm 2014 so với năm 2013
1	Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam	13,00	10,50	2,50
2	Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	12,00	12,00	0,00
3	Cục Quản lý tài nguyên nước	10,50	12,50	- 2,00
4	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	9,50	10,00	- 0,50
5	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	9,50	11,50	- 2,00
6	Tổng cục Quản lý đất đai	9,50	9,50	0,00
7	Tổng cục Môi trường	5,50	11,00	- 5,50
	<b>Giá trị trung bình</b>	<b>9,93</b>	<b>11,00</b>	

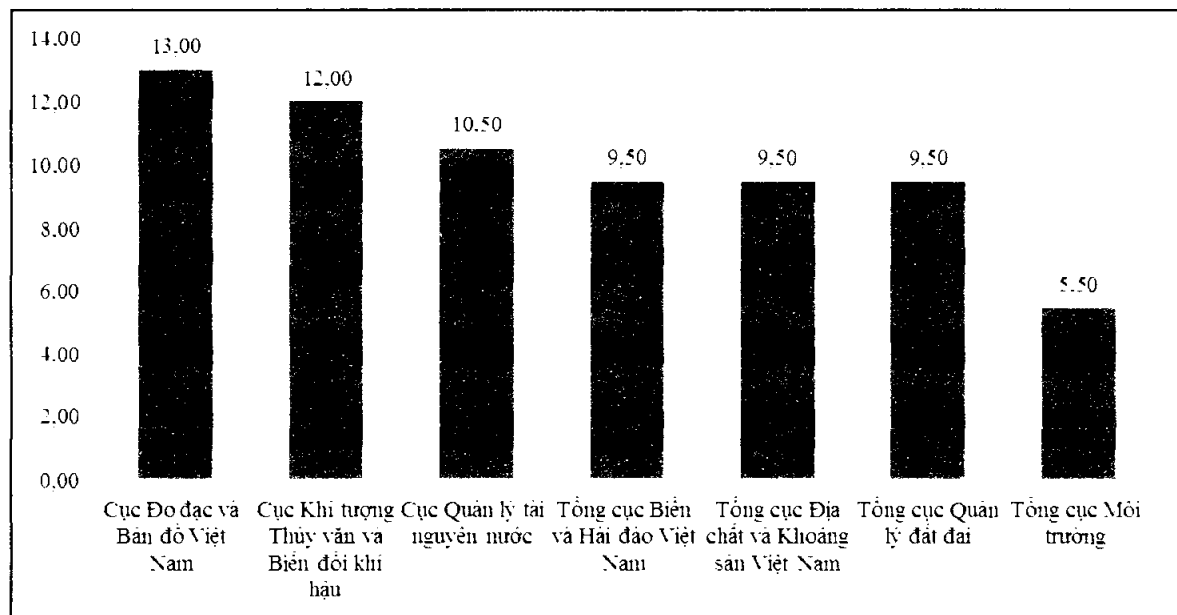
Nhìn vào Chỉ số thành phần cải cách TTHC năm 2014, có thể thấy hầu hết các đơn vị đạt điểm Chỉ số cải cách TTHC khá cao và đồng đều, trừ Tổng cục Môi trường. Điều này cho thấy, cải cách TTHC đã thực hiện khá thành công đối với một Bộ quản lý các lĩnh vực nhạy cảm, phức tạp và TTHC yêu cầu tương đối chặt chẽ đặc biệt là trong lĩnh vực đất đai, môi trường, tài nguyên nước và khoáng sản.

Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam có số điểm cao nhất với 13/16 điểm, Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu với 12/16 điểm và Cục Quản lý tài nguyên nước với 10,5/16 điểm là những đơn vị thực hiện tốt công tác cải cách

TTHC năm 2014. Tổng cục Môi trường là đơn vị có Chỉ số thành phần cải cách TTHC năm 2013 khá cao, tuy nhiên lại giảm khá mạnh trong năm 2014 (giảm 5,5 điểm). Trong năm 2014, Tổng cục Môi trường không thực hiện đánh giá tác động khi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật có quy định TTHC, công bố chậm TTHC so với quy định, không thực hiện rà soát, đánh giá TTHC, không tiến hành công khai kết quả giải quyết TTHC trên trang thông tin điện tử của Tổng cục hoặc của Bộ. Ngoài ra, đa số đơn vị đều chậm công bố TTHC trên cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, do vậy không đạt điểm trong tiêu chí này. Đây cũng chính là nguyên nhân dẫn tới tiêu chí công bố TTHC trên cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC của Bộ không được cải thiện so với năm 2013.

Có thể nói, sự đánh giá, nhìn nhận về tính hợp lý của TTHC, mức độ thuận tiện trong việc thực hiện TTHC và sự cần thiết của TTHC đối với các tổng cục, cục được phân tích đã làm rõ hơn những điểm mạnh, điểm yếu tại chỉ số thành phần cải cách TTHC của các đơn vị trong xác định Chỉ số CCHC năm 2014. Tỷ lệ rà soát, đánh giá, cập nhật và công khai TTHC của các tổng cục, cục có sự khác biệt, phân hóa; các tiêu chí thực hiện giải quyết TTHC, tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định hành chính có kết quả tốt hơn các tiêu chí công bố TTHC và rà soát, đánh giá, cập nhật TTHC.

**Biểu đồ 6: Chỉ số thành phần cải cách thủ tục hành chính**



### **3.4. Chỉ số thành phần cải cách tổ chức bộ máy hành chính của đơn vị** (Tổng 12 điểm: 10 điểm Bộ đánh giá và 2 điểm điều tra xã hội học)

Trong năm 2014, tổ chức bộ máy của Ngành tiếp tục được quan tâm, xây dựng, củng cố kiện toàn từ Trung ương đến địa phương đáp ứng ngày một tốt hơn yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ về tài nguyên và môi trường. Trên cơ sở Nghị

định số 21/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ đã xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các tổng cục trực thuộc Bộ và Trung tâm Khí tượng thủy văn quốc gia; phê duyệt danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ; tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam. Ngoài ra, Bộ đã phối hợp với Bộ Nội vụ ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân các cấp.

Chỉ số thành phần cải cách tổ chức bộ máy hành chính của đơn vị nhằm hướng tới xây dựng một hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường thông suốt, trong sạch, vững mạnh, hiện đại, hiệu lực và hiệu quả. Do đó, các tiêu chí tập trung vào việc tuân thủ các quy định của Chính phủ, của Bộ về tổ chức bộ máy; việc thực hiện rà soát chức năng, nhiệm vụ; quy chế làm việc của các đơn vị và việc phân công, phân cấp trong thực hiện nhiệm vụ.

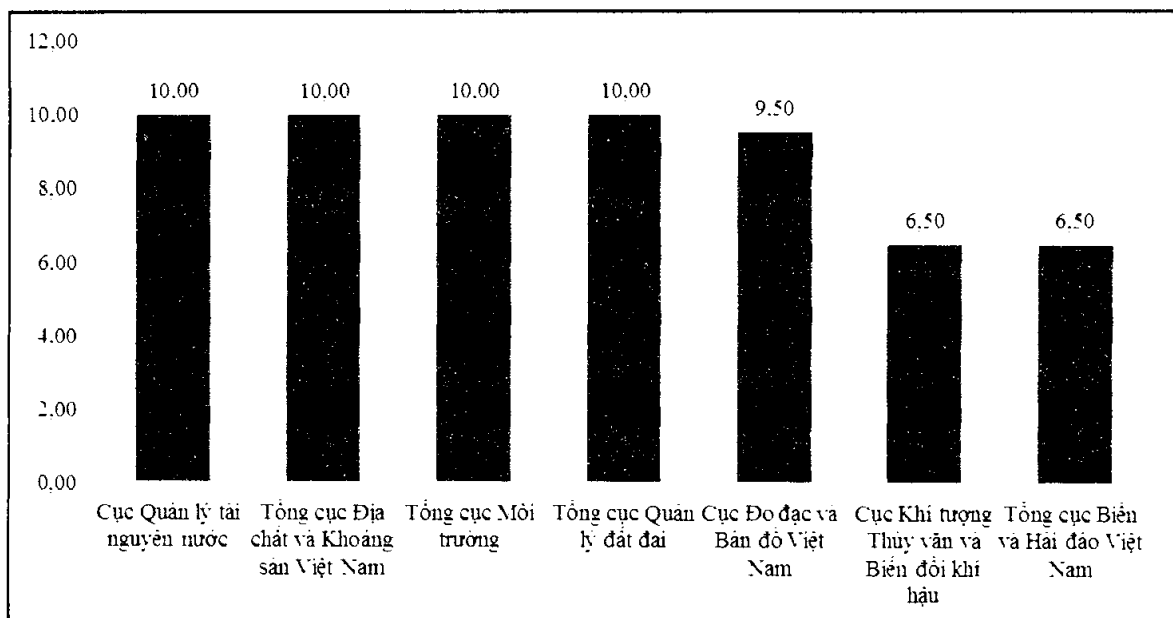
**Bảng 8: Chỉ số thành phần cải cách tổ chức bộ máy hành chính**

STT	Tên đơn vị	Điểm 2014	Điểm 2013	Giá trị tăng/giảm của năm 2014 so với năm 2013
1	Cục Quản lý tài nguyên nước	10,00	7,00	3,00
2	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	10,00	10,00	0,00
3	Tổng cục Môi trường	10,00	9,75	0,25
4	Tổng cục Quản lý đất đai	10,00	10,00	0,00
5	Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam	9,50	10,00	- 0,50
6	Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	6,50	5,00	1,50
7	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	6,50	10,00	- 3,50
	<b>Giá trị trung bình</b>	<b>8,93</b>	<b>8,82</b>	

Đối với Chỉ số thành phần này, hầu hết các đơn vị đều đạt điểm ở tiêu chí tuân thủ thực hiện các quy định của Chính phủ, của Bộ về tổ chức bộ máy, phân cấp quản lý. Tuy nhiên, vẫn còn đơn vị đạt số điểm thấp hoặc không đạt điểm nào tại tiêu chí kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các tổ chức trực thuộc, điển hình là Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu và Tổng cục

Biển và Hải đảo Việt Nam; hai đơn vị này đạt điểm thấp nhất đối với Chỉ số thành phần cải cách tổ chức bộ máy hành chính của đơn vị.

**Biểu đồ 7: Chỉ số thành phần cải cách tổ chức bộ máy**



### **3.5. Chỉ số thành phần xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức**

*(Tổng 16,5 điểm: 13,5 điểm Bộ đánh giá và 3 điểm điều tra xã hội học)*

Công tác xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức được xác định là một nhiệm vụ trọng tâm trong Chương trình tổng thể CCHC giai đoạn 2012 - 2020 của Bộ. Theo đó, Bộ đã đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, thu hút người có tài năng nhằm xây dựng một nền công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động, minh bạch, hiệu quả. Bên cạnh đó, mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, năng lực và trình độ đáp ứng yêu cầu phục vụ cá nhân, tổ chức luôn được quan tâm triển khai trong thời gian qua.

Trong năm 2014, Bộ và các đơn vị trực thuộc tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 1557/QĐ-TTg ngày 18/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tiếp tục đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức với mục tiêu xây dựng một nền công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động, minh bạch, hiệu quả. Trong đó tập trung vào thực hiện các nhiệm vụ: xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn chức danh, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức...

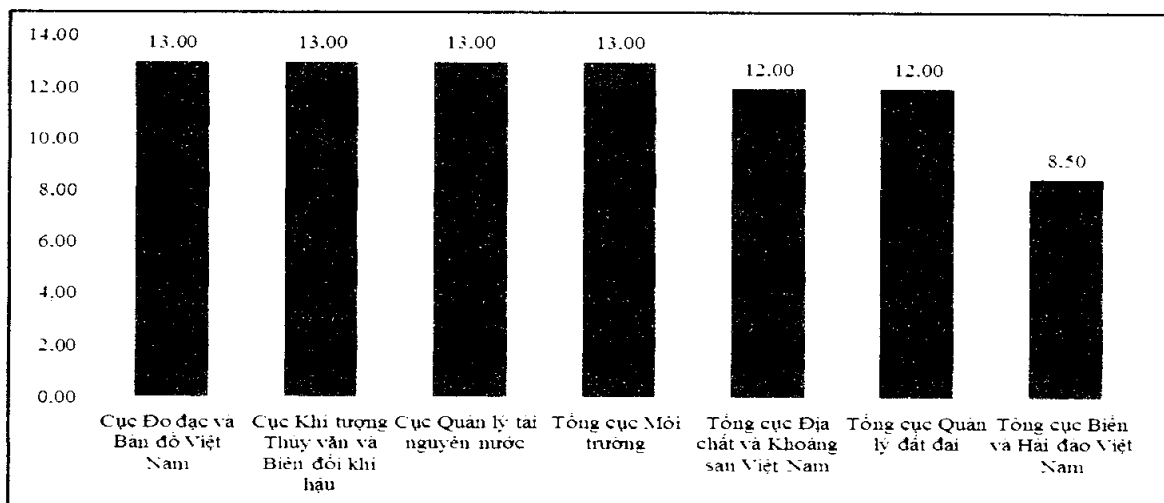


**Bảng 9: Chỉ số thành phần xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CCVC**

STT	Tên đơn vị	Điểm 2014	Điểm 2013	Giá trị tăng/ giảm của 2014 so với 2013
1	Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam	13,00	11,00	2,00
2	Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	13,00	8,00	5,00
3	Cục Quản lý tài nguyên nước	13,00	7,00	6,00
4	Tổng cục Môi trường	13,00	13,50	- 0,50
5	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	12,00	10,50	1,50
6	Tổng cục Quản lý đất đai	12,00	13,50	- 1,50
7	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	8,50	7,00	1,50
	<b>Giá trị trung bình</b>	<b>12,07</b>	<b>10,07</b>	

Qua kết quả xác định chỉ số thành phần xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức năm 2014 cho thấy giá trị trung bình đạt 12,07 điểm cao hơn 2 điểm so với năm 2013 (năm 2013 đạt 10,07 điểm). Điều này cho thấy các đơn vị đã có nhiều nỗ lực, cố gắng tổ chức thực hiện công tác xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức của đơn vị.

Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam, Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, Cục Quản lý tài nguyên nước và Tổng cục Môi trường là những đơn vị có kết quả cao nhất trong năm 2014, đạt 13/13,5 điểm. Tổng cục Quản lý đất đai năm 2014 chỉ đạt 12/13,5 điểm, giảm 1,5 điểm so với năm 2013. Đơn vị đạt điểm thấp nhất là Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam, đạt 8/13,5 điểm và tăng 1,5 điểm so với năm 2013. Hầu hết các đơn vị không ban hành hoặc chậm ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức hàng năm của đơn vị. Các đơn vị đạt điểm thấp còn do không thực hiện đầy đủ báo cáo số lượng, chất lượng công chức, viên chức theo quy định, không xây dựng kế hoạch biên chế năm 2014 gửi Bộ.

**Biểu đồ 8: Chỉ số thành phần xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CCVC**

### 3.6. Chỉ số thành phần đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp thuộc đơn vị

(Tổng 8,5 điểm: 7 điểm Bộ đánh giá và 1,5 điểm điều tra xã hội học)

Thế chế về đổi mới cơ chế tài chính của cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trong những năm vừa qua tiếp tục được ban hành, bổ sung nhằm từng bước đem lại hiệu quả thiết thực. Trong năm 2014, Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước. Theo đó, các Bộ, ngành sẽ tiếp tục quản lý chặt chẽ biên chế, tiết kiệm tối đa các khoản chi thường xuyên để tăng thu nhập, làm cơ sở để tiến tới đưa tiền lương thành thu nhập chính của công chức.

**Bảng 10: Chỉ số thành phần đổi mới cơ chế tài chính**

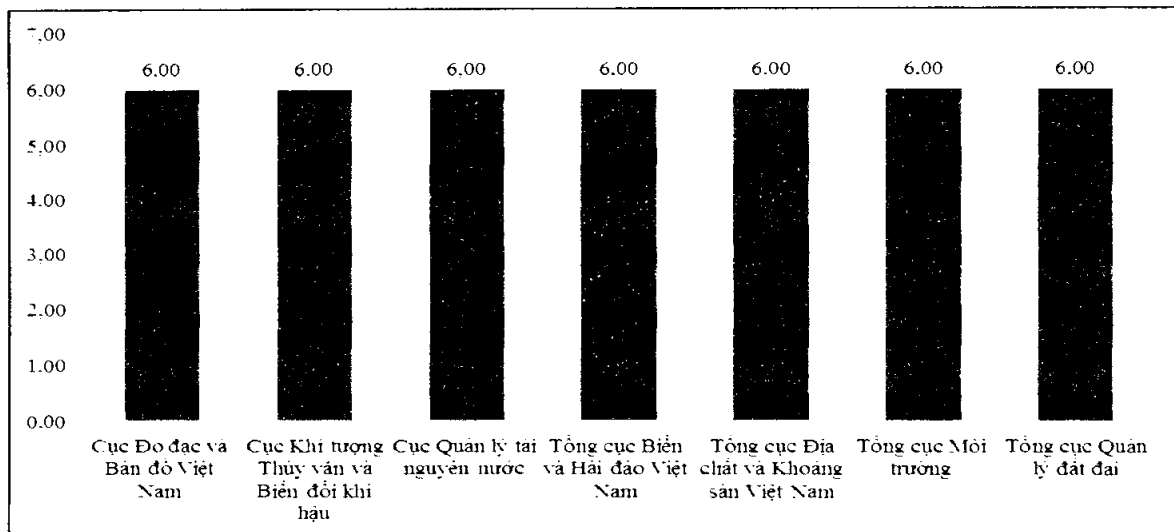
STT	Tên đơn vị	Điểm 2014	Điểm 2013	Giá trị tăng/ giảm của năm 2014 so với năm 2013
1	Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam	6,00	6,00	0,00
2	Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	6,00	6,00	0,00
3	Cục Quản lý tài nguyên nước	6,00	6,00	0,00
4	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	6,00	6,00	0,00
5	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	6,00	6,00	0,00
6	Tổng cục Môi trường	6,00	6,00	0,00
7	Tổng cục Quản lý đất đai	6,00	6,00	0,00
	<b>Giá trị Trung bình</b>	<b>6,00</b>	<b>6,00</b>	

Theo kết quả chấm điểm cho thấy, chỉ số thành phần về đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và các đơn vị sự nghiệp của các đơn vị tương tự như kết quả năm 2013, đều đạt 6/7 điểm. Tất cả các đơn vị đều được điểm về có báo cáo gửi về Bộ nhưng các đơn vị đều gửi báo cáo chậm thời gian quy định nên không có điểm đối với tiêu chí thành phần này. Công tác quản lý sử dụng ngân sách được giao được đánh giá là thực hiện đúng quy định, 100% các đơn vị ban hành quy chế chi tiêu nội bộ.

Nhìn chung, các đơn vị đã cơ bản thực hiện nghiêm túc công tác cải cách tài chính công, góp phần thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí. Cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các tổ chức sự nghiệp trực thuộc tổng cục, cục đã thúc đẩy

các đơn vị sắp xếp, tổ chức lại tổ chức bộ máy, bố trí sử dụng công chức, viên chức phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị.

**Biểu đồ 9: Chỉ số thành phần đổi mới cơ chế tài chính**



### 3.7. Chỉ số thành phần hiện đại hóa hành chính

(Tổng 12,5 điểm: 11 điểm Bộ đánh giá và 1,5 điểm điều tra xã hội học)

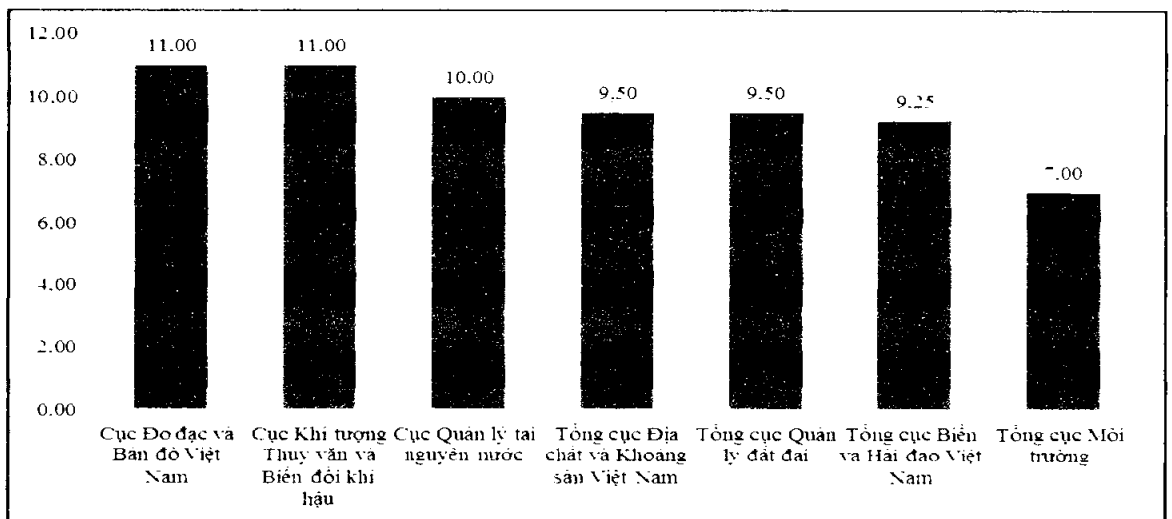
Qua thẩm định điểm số về ứng dụng công nghệ thông tin của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ cho thấy việc ứng dụng công nghệ thông tin của các đơn vị đã được quan tâm, thực hiện tương đối đầy đủ. Kết quả cho thấy, 100% số tổ chức trực thuộc đơn vị đã triển khai sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) và thư điện tử để trao đổi, giải quyết công việc; chất lượng cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử của đơn vị đều bảo đảm tính kịp thời, đầy đủ cũng như tính thuận tiện khi truy cập, khai thác thông tin. Tuy nhiên, việc ứng dụng hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc của Bộ trong việc xử lý, giải quyết công việc tại một số đơn vị chưa được thực hiện tốt. Tổng cục Môi trường chưa triển khai áp dụng hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc của Bộ mà mới chỉ áp dụng thử nghiệm hệ thống phần mềm do Tổng cục xây dựng; Cục Quản lý tài nguyên nước: trên 50% các tổ chức trực thuộc không vận hành hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc của Bộ; Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam: trên 20% các đơn vị trực thuộc không vận hành hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc của Bộ.

Về việc công bố và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 (viết tắt là ISO): 100% các tổng cục, cục đã thực hiện công bố, áp dụng và duy trì ISO vào hoạt động của đơn vị từ cuối năm 2014. Trong đó, có hai cục thực hiện tốt tiêu chí này là Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu vì có trên 80% số đơn vị trực thuộc công bố, áp dụng ISO vào hoạt động của đơn vị nên hai cục này đã đạt điểm cao nhất so với các tổng cục, cục khác (đạt 11/12,5 điểm).

**Bảng 11: Chỉ số thành phần hiện đại hóa hành chính**

STT	Tên đơn vị	Điểm 2014	Điểm 2013	Giá trị tăng/giảm của 2014 so với 2013
1	Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam	11,00	9,50	1,50
2	Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	11,00	9,50	1,50
3	Cục Quản lý tài nguyên nước	10,00	5,50	4,50
4	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	9,50	5,50	4,00
5	Tổng cục Quản lý đất đai	9,50	5,50	4,00
6	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	9,25	4,50	4,75
7	Tổng cục Môi trường	7,00	5,50	1,50
	<b>Giá trị trung bình</b>	<b>9,61</b>	<b>6,50</b>	

Giá trị trung bình Chỉ số thành phần hiện đại hóa hành chính năm 2014 cao hơn so với năm 2013 (năm 2014 đạt 9,61 điểm; năm 2013 đạt 6,50 điểm). Ở chỉ số thành phần này, tất cả các đơn vị đều có sự tăng điểm so với năm 2013, trong đó có 04 đơn vị tăng điểm nhiều nhất gồm: Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam (tăng 4,75 điểm); Cục Quản lý tài nguyên nước (tăng 4,5 điểm); Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (tăng 4 điểm); Tổng cục Quản lý đất đai (tăng 4 điểm). Điều này phản ánh sự quan tâm, chỉ đạo quyết liệt của lãnh đạo các đơn vị nêu trên trong việc triển khai tổ chức thực hiện các nội dung của lĩnh vực hiện đại hóa hành chính, qua đó giúp cho các đơn vị này tăng điểm, giảm đáng kể khoảng cách điểm giữa các đơn vị so với năm 2013.

**Biểu đồ 10: Chỉ số thành phần hiện đại hóa hành chính**

Kết quả cụ thể của các chỉ số thành phần thể hiện tại Bảng tổng hợp Chỉ số CCHC năm 2014 của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ qua phân tích các chỉ số thành phần (Phụ lục 2 kèm theo).

### PHẦN III

## NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VÀ KIẾN NGHỊ

### I. Nhận xét, đánh giá

Việc triển khai kế hoạch xác định Chỉ số CCHC năm 2014 đã có nhiều thuận lợi hơn, do các đơn vị đã có kinh nghiệm thực hiện trong năm 2013. Mặt khác, có sự kế thừa kết quả, phương pháp cũng như cách thức tiến hành của năm 2013, trong đó có sự nhận thức về vai trò, ý nghĩa của Chỉ số CCHC trong quá trình thực hiện CCHC đã được nâng lên. Các đề xuất, kiến nghị của các đơn vị sau khi xác định Chỉ số CCHC năm 2013 đã giúp Bộ có những điều chỉnh cần thiết và Bộ đã sửa đổi, bổ sung Bộ Chỉ số theo dõi, đánh giá CCHC của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ nhằm khắc phục những hạn chế của Bộ Chỉ số cũ bảo đảm phù hợp hơn với tình hình thực tế thực hiện công tác CCHC của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ. Cụ thể: một số tiêu chí, tiêu chí thành phần đã được điều chỉnh, sửa đổi; thay đổi mức độ cho điểm tối đa; sửa đổi bộ phiếu hỏi điều tra để phù hợp với từng nhóm đối tượng. Một trong những mục tiêu xác định Chỉ số CCHC là để các tổng cục, cục trực thuộc Bộ thực hiện tốt hơn công tác CCHC, qua đó xác định rõ mặt mạnh, mặt hạn chế để có những điều chỉnh cần thiết nhằm đạt được kết quả cao hơn và sẽ tác động tích cực đến công tác quản lý nhà nước của các tổng cục, cục và của Bộ. Xác định Chỉ số CCHC là một công cụ quan trọng trong quản lý, đánh giá quá trình tổ chức thực hiện công tác CCHC.

Chỉ số CCHC năm 2014 cho thấy kết quả đạt được của các tổng cục, cục có xu hướng đồng đều hơn, khoảng cách giữa đơn vị có kết quả cao nhất và đơn vị có kết quả thấp nhất được thu hẹp hơn. Năm 2015, là năm thứ hai tổ chức thực hiện Kế hoạch xác định Chỉ số CCHC hàng năm của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ, qua đó đã ghi nhận được những kết quả đạt được của các đơn vị về công tác CCHC. Với việc tổ chức thực hiện Kế hoạch xác định Chỉ số CCHC một cách khoa học, chặt chẽ, có sự phối hợp giữa các vụ với các tổng cục, cục; tinh thần trách nhiệm của công chức, viên chức thuộc Bộ và Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với công tác CCHC ngày một nâng cao.

Nhìn vào tổng thể kết quả xác định Chỉ số CCHC năm 2014 của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ có thể thấy công tác xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức; cải cách tổ chức bộ máy; cải cách tài chính công và hiện đại hóa hành chính được thực hiện khá tốt và đồng đều tại các tổng cục, cục trực thuộc Bộ.

Trong công tác chỉ đạo điều hành CCHC, việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch CCHC của các đơn vị đã được quan tâm thực hiện như: kế hoạch CCHC năm 2014; kế hoạch tuyên truyền công tác CCHC... Tuy nhiên, việc xây dựng kế hoạch thường chậm hơn so với thời gian quy định. Một số đơn vị không

xây dựng kế hoạch và thực hiện công tác kiểm tra CCHC (3/7 đơn vị không có kế hoạch). Công tác thực hiện chế độ thông tin, báo cáo CCHC của các đơn vị còn chậm thời gian theo quy định. Nhìn chung, Cục Quản lý tài nguyên nước, Tổng cục Quản lý đất đai và Tổng cục Môi trường đã thực hiện tốt công tác chỉ đạo điều hành CCHC.

Công tác xây dựng và thực hiện thể chế, cải cách TTHC được các tổng cục, cục quan tâm thực hiện từ khi lập kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật hàng năm của đơn vị. Công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, việc niêm yết công khai TTHC, thực hiện giải quyết TTHC cơ bản được thực hiện tốt. Tuy nhiên, công tác ban hành kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật của đơn vị chưa được thực hiện nghiêm túc (4/7 đơn vị không ban hành kế hoạch). Việc công bố TTHC của các đơn vị còn chậm so với thời gian quy định (5/7 đơn vị công bố chậm). Công tác xây dựng và thực hiện thể chế được Cục Quản lý tài nguyên nước, Tổng cục Quản lý đất đai và Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam quan tâm tổ chức thực hiện nên đạt kết quả cao, công tác cải cách TTHC được thực hiện tốt tại Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam, Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu. Các nhiệm vụ này Tổng cục Môi trường thực hiện còn hạn chế.

Các đơn vị nhìn chung tuân thủ các quy định của Chính phủ và của Bộ về tổ chức bộ máy; thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ, Bộ ban hành; việc tuyển dụng và bố trí sử dụng công chức, viên chức đã thực hiện theo đúng quy định; đã thực hiện đánh giá công chức, viên chức của đơn vị trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, vẫn còn một số đơn vị không ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm; không xây dựng kế hoạch biên chế năm; không thực hiện kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các tổ chức trực thuộc.

Công tác đổi mới cơ chế tài chính được các đơn vị tích cực thực hiện, tuy nhiên, việc thực hiện chế độ báo cáo tài chính vẫn chậm thời gian theo quy định.

Công tác ứng dụng công nghệ thông tin; cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử của đơn vị được thực hiện tốt; việc áp dụng ISO trong hoạt động của đơn vị đã được áp dụng tại 7/7 đơn vị (trong năm 2013 chỉ có 2/7 đơn vị). Tuy nhiên, việc áp dụng ISO trong hoạt động của các tổ chức trực thuộc các đơn vị còn hạn chế.

Từ kết quả xác định Chỉ số CCHC năm 2013 và năm 2014 cho thấy đã đánh giá thực chất, khách quan, công bằng về kết quả thực hiện công tác CCHC của các tổng cục, cục. Tuy nhiên, qua quá trình triển khai xác định Chỉ số CCHC của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ cho thấy còn có một số hạn chế sau:

- Một số đơn vị chưa quan tâm triển khai thực hiện các nội dung CCHC; chỉ đạo chưa quyết liệt nên kết quả CCHC của một số đơn vị chưa cao; báo cáo

tự đánh giá, chấm điểm sơ sài, chưa bám sát hướng dẫn của Bộ và thiếu nhiều tài liệu kiểm chứng kèm theo.

- Việc đánh giá kết quả thực hiện các kế hoạch của đơn vị còn khó xác định do nội dung báo cáo còn khái quát, định tính chưa thể hiện được kết quả cụ thể các nhiệm vụ hoàn thành để xác định tỷ lệ hoàn thành.

- Công tác xây dựng kế hoạch của các đơn vị đã có chuyên biến so với năm 2013 nhưng vẫn còn hạn chế và chưa được quan tâm đúng mức; nhiều đơn vị chưa ban hành các kế hoạch hàng năm, như kế hoạch: đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức; kiểm tra công tác CCHC... và chất lượng kế hoạch ban hành còn chưa cao.

- Nguồn lực (con người, tài chính) để triển khai xác định Chỉ số CCHC còn thiếu, nhất là công tác giám sát điều tra xã hội học với các nhóm đối tượng quy mô lớn. Năm 2014, chưa được bố trí kinh phí để tổ chức triển khai xác định Chỉ số CCHC nên gặp rất nhiều khó khăn trong tổ chức thực hiện.

- Nhiều đơn vị tự đánh giá, chấm điểm thiếu chính xác (tự chấm đạt điểm tối đa) nên khi rà soát, thẩm định còn có sự chênh lệch tương đối giữa điểm tự chấm và điểm Bộ đánh giá.

- Qua quá trình xác định Chỉ số CCHC năm 2014 cho thấy đa số các tiêu chí, tiêu chí thành phần của Bộ Chỉ số theo dõi, đánh giá CCHC đã được điều chỉnh phù hợp với thực tiễn để đánh giá, chấm điểm. Tuy nhiên, vẫn còn một số tiêu chí, tiêu chí thành phần cần tiếp tục được rà soát, sửa đổi, bổ sung để phù hợp hơn với các văn bản mới ban hành và đặc thù của các tổng cục, cục.

## **II. Đề xuất, kiến nghị**

- Đề nghị các đơn vị, căn cứ vào Chỉ số CCHC năm 2014 của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ tổ chức triển khai phổ biến, tuyên truyền về kết quả Chỉ số CCHC trong phạm vi của đơn vị để nâng cao trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong thực hiện công tác CCHC và xác định Chỉ số CCHC hàng năm. Nghiên cứu và tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm về kết quả Chỉ số CCHC năm 2014 để tìm ra nguyên nhân, các yếu tố ảnh hưởng và trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc cải thiện, nâng cao chất lượng CCHC; trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp, biện pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác CCHC và duy trì hoặc cải thiện Chỉ số CCHC của đơn vị.

- Thủ trưởng các đơn vị cần bố trí đủ nguồn lực (con người, tài chính) để thực hiện các chương trình, kế hoạch CCHC hàng năm và xác định Chỉ số CCHC của đơn vị.

- Các đơn vị phải thường xuyên kiểm tra, đánh giá việc thực hiện công tác CCHC của đơn vị và báo cáo kết quả tại các cuộc giao ban thường kỳ và nghiêm túc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo Bộ theo quy định; đồng thời, phải phê





bình, nhắc nhở các tổ chức, cá nhân không thực hiện nghiêm túc công tác CCHC; khen thưởng, biểu dương kịp thời những tập thể, cá nhân điển hình trong thực hiện công tác CCHC.

- Các đơn vị quan tâm, phối hợp chặt chẽ hơn với Vụ Tổ chức cán bộ, Tổ Thư ký trong triển khai kế hoạch xác định Chỉ số CCHC hàng năm để Chỉ số CCHC được xác định chính xác, khách quan và công bố đúng thời gian quy định; việc đơn vị tự đánh giá, chấm điểm cần thực hiện nghiêm túc, thực chất hơn, tránh nặng về thành tích để kết quả điểm sát với tình hình thực hiện công tác CCHC và đặc thù của đơn vị; rà soát và kịp thời phản ánh, kiến nghị với Bộ về những vấn đề chưa hợp lý trong nội dung, phương pháp xác định Bộ Chỉ số CCHC hàng năm của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ để Bộ xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

Việc xác định Chỉ số CCHC các tổng cục, cục trực thuộc Bộ được xác định là nhiệm vụ thường xuyên hàng năm của Bộ trong quá trình triển khai Chương trình tổng thể CCHC giai đoạn 2012 - 2020 của Bộ. Bộ đề nghị các đơn vị tiếp tục quán triệt và nghiêm túc triển khai xác định Chỉ số CCHC hàng năm trong các năm tiếp theo./.

# **PHỤ LỤC 1**

**Quyết định số 2314/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 9 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành  
Bộ Chỉ số theo dõi, đánh giá cải cách hành chính  
của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ**

Số: 2314/QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 10 tháng 9 năm 2015

## QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bộ Chỉ số theo dõi, đánh giá cải cách hành chính  
của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ

### BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 2198/QĐ-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính của Bộ giai đoạn 2012 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1294/QĐ-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

## QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bộ Chỉ số theo dõi, đánh giá cải cách hành chính (CCHC) của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ (sau đây viết tắt là Chỉ số CCHC), cụ thể như sau:

### I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU, PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG

#### 1.1. Mục tiêu

##### a) Mục tiêu chung

Xác định Chỉ số CCHC để theo dõi, đánh giá một cách thực chất, khách quan, công bằng kết quả thực hiện CCHC hàng năm của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ.

## b) Mục tiêu cụ thể

- Xác định được các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ cho phù hợp với đặc điểm, tính chất quản lý nhà nước của đơn vị.

- Xác định được thang điểm, phương pháp đánh giá cho các tiêu chí, tiêu chí thành phần, từ đó xác định được Chỉ số CCHC của từng tổng cục, cục trực thuộc Bộ.

- Tổ chức điều tra, khảo sát theo bộ câu hỏi điều tra xã hội học đối với từng nhóm đối tượng điều tra, khảo sát để theo dõi, đánh giá thực trạng công tác CCHC của các tổng cục, các cục trực thuộc Bộ.

- Hàng năm công bố Chỉ số CCHC của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ.

## 1.2. Yêu cầu

- Chỉ số CCHC bám sát nội dung Chương trình tổng thể CCHC của Bộ giai đoạn 2012 - 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 2198/QĐ-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Bảo đảm tính khả thi, phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tế của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ và đánh giá thực chất, khách quan kết quả thực hiện CCHC theo chu kỳ năm ở các đơn vị này.

- Có sự tham gia đánh giá của cá nhân, tổ chức và các đơn vị liên quan của Bộ đối với quá trình thực hiện công tác CCHC của các tổng cục, cục.

- Hình thành được hệ thống theo dõi, đánh giá đồng bộ, thống nhất.

## 1.3. Phạm vi và đối tượng

- Phạm vi: công tác theo dõi, đánh giá kết quả triển khai thực hiện CCHC hàng năm của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ.

- Đối tượng áp dụng: các tổng cục, cục trực thuộc Bộ.

## II. CÁC LĨNH VỰC, TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN, THANG ĐIỂM VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ CỦA BỘ CHỈ SỐ

### 2.1 Các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần

Chỉ số CCHC được xác định trên 7 lĩnh vực, 36 tiêu chí và 82 tiêu chí thành phần, cụ thể là:

- Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC, gồm: 7 tiêu chí và 20 tiêu chí thành phần;

- Xây dựng và tổ chức thực hiện thể chế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, gồm: 5 tiêu chí và 13 tiêu chí thành phần;

- Cải cách thủ tục hành chính, gồm: 7 tiêu chí và 10 tiêu chí thành phần;

- Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, gồm: 5 tiêu chí và 8 tiêu chí thành phần;

- Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức, gồm: 5 tiêu chí và 12 tiêu chí thành phần;

- Đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập, gồm: 4 tiêu chí và 7 tiêu chí thành phần;

- Hiện đại hoá hành chính, gồm: 3 tiêu chí và 12 tiêu chí thành phần;

Các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC được quy định cụ thể tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

## 2.2. Thang điểm đánh giá

Thang điểm đánh giá là 100, trong đó:

- Điểm tự đánh giá của đơn vị là: 80/100;

- Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học là: 20/100.

Thang điểm đánh giá được xác định cụ thể đối với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

## 2.3. Phương pháp đánh giá

- Tự đánh giá của đơn vị: các tổng cục, cục tự theo dõi, đánh giá và cho điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC của đơn vị và các tổ chức trực thuộc theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Chỉ số CCHC và hướng dẫn của Bộ. Điểm các đơn vị tự đánh giá được thể hiện tại cột “tự đánh giá” của Phụ lục.

- Đánh giá thông qua điều tra xã hội học: số tiêu chí, tiêu chí thành phần đánh giá qua lấy phiếu điều tra là 12, được thể hiện tại cột “Ghi chú” và các dòng có chữ viết tắt “Phiếu ĐT” của Phụ lục. Việc điều tra xã hội học được tiến hành lấy ý kiến đánh giá của các nhóm đối tượng khác nhau trong Bộ Tài nguyên và Môi trường và Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Điểm tự đánh giá của các đơn vị sẽ được Hội đồng thẩm định Chỉ số CCHC xem xét, công nhận hoặc điều chỉnh. Điểm đánh giá qua lấy phiếu điều tra là điểm do Vụ Tổ chức cán bộ thực hiện. Tổng hợp điểm qua lấy phiếu điều tra và điểm Hội đồng thẩm định Chỉ số CCHC của Bộ là điểm đạt được thể hiện ở các cột tương ứng trong Phụ lục, là căn cứ để tính Chỉ số CCHC cho từng đơn vị.

## III. GIẢI PHÁP

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, thủ trưởng các đơn vị cần chỉ đạo thực hiện tốt các nội dung sau:

3.1. Nâng cao trách nhiệm và hiệu quả chỉ đạo, điều hành của các đơn vị đối với việc xác định Chỉ số CCHC

- Chỉ đạo việc thực hiện các nội dung CCHC một cách nghiêm túc, có hiệu quả theo kế hoạch CCHC hàng năm.

- Chỉ đạo việc thực hiện công tác theo dõi, đánh giá CCHC một cách thường xuyên, liên tục, bảo đảm trung thực, khách quan, minh bạch trong việc tổng hợp, thống kê, đánh giá, báo cáo các kết quả CCHC.

### **3.2. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến về Chỉ số CCHC**

Việc tuyên truyền, phổ biến mục tiêu, nội dung của Chỉ số CCHC nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và tăng cường sự tham gia, phối hợp của các tổ chức và cá nhân trong quá trình theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện CCHC hàng năm của các đơn vị. Các hình thức tuyên truyền là:

- Tổ chức hội nghị tuyên truyền, tập huấn cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức về mục tiêu, ý nghĩa, nội dung và trách nhiệm triển khai Chỉ số CCHC.

- Tuyên truyền trên cổng thông tin điện tử, báo, tạp chí để nâng cao nhận thức cho người dân và xã hội về mục tiêu, ý nghĩa của Chỉ số CCHC.

- Các hình thức tuyên truyền khác: thông qua hội thảo; hội nghị công bố Chỉ số CCHC hàng năm.

### **3.3. Bố trí công chức thực hiện thường xuyên công tác theo dõi, đánh giá cải cách hành chính tại các đơn vị**

Các đơn vị phân công nhiệm vụ cho công chức chuyên trách CCHC thực hiện công tác theo dõi, đánh giá CCHC của đơn vị; bố trí công chức theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC đối với các lĩnh vực cụ thể theo chức năng của đơn vị mình.

### **3.4. Bảo đảm cơ sở vật chất, tài chính**

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhất là công nghệ thông tin trong triển khai xác định Chỉ số CCHC để bảo đảm tính hệ thống trong công tác theo dõi, đánh giá của đơn vị.

- Xây dựng phần mềm, cơ sở dữ liệu của Chỉ số CCHC.

- Bố trí đủ kinh phí cho việc thực hiện xác định Chỉ số CCHC.

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **4.1. Trách nhiệm thực hiện**

a) Vụ Tổ chức cán bộ:

- Xây dựng, trình Bộ trưởng ban hành văn bản hướng dẫn các tổng cục, cục triển khai áp dụng Chỉ số CCHC.

- Hàng năm xây dựng kế hoạch kèm theo dự toán kinh phí triển khai xác định Chỉ số CCHC; chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện sau khi kế hoạch được phê duyệt.

- Tập huấn, bồi dưỡng cho công chức chuyên trách CCHC của các tổng cục, cục về công tác theo dõi, đánh giá và xác định Chỉ số CCHC.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền về Chỉ số CCHC theo kế hoạch tuyên truyền CCHC hàng năm.

- Theo dõi, đôn đốc các tổng cục, cục triển khai thực hiện kế hoạch xác định Chỉ số CCHC.

- Xác định nhóm đối tượng, quy mô mẫu phiếu, câu hỏi điều tra; chủ trì tổ chức lấy phiếu điều tra.

- Tổng hợp, xử lý số liệu thu thập được để xác định Chỉ số CCHC và xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả áp dụng Chỉ số CCHC.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thông báo kết quả Chỉ số CCHC hàng năm.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát nội dung Chỉ số CCHC để trình Bộ trưởng quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế của Bộ.

b) Vụ Kế hoạch và Vụ Tài chính: phân bổ kinh phí và phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ lập dự toán kinh phí để thực hiện Chỉ số CCHC, tổng hợp chung vào dự toán ngân sách hàng năm của Bộ, gửi Bộ Tài chính theo quy định.

c) Các Vụ: Pháp chế; Khoa học và Công nghệ; Tài chính; Thi đua, Khen thưởng và Tuyên truyền; Cục Công nghệ thông tin phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ trong việc theo dõi, đánh giá CCHC đối với từng lĩnh vực cải cách theo phân công của Bộ trưởng.

d) Các tổng cục, cục trực thuộc Bộ:

- Triển khai áp dụng Chỉ số CCHC trong phạm vi trách nhiệm của đơn vị theo hướng dẫn của Vụ Tổ chức cán bộ.

- Tổng hợp số liệu, xây dựng báo cáo kết quả áp dụng Chỉ số CCHC của đơn vị theo hướng dẫn của Vụ Tổ chức cán bộ.

- Phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ trong việc tổ chức lấy phiếu điều tra để xác định Chỉ số CCHC của đơn vị.

#### 4.2. Kinh phí thực hiện

a) Kinh phí triển khai áp dụng Chỉ số CCHC được đảm bảo bằng ngân sách nhà nước và các nguồn tài trợ hợp pháp khác (nếu có).

b) Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí cho triển khai áp dụng Chỉ số CCHC hàng năm thực hiện theo quy định.

Điều 2. Chỉ số CCHC của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ được sử dụng để tiến hành theo dõi, đánh giá kết quả CCHC hàng năm của các tổng cục, cục giai đoạn 2014 - 2020.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1736/QĐ-BTNMT ngày 18 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Bộ Chỉ số theo dõi, đánh giá cải cách hành chính của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ.

Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng các Vụ: Tổ chức cán bộ, Pháp chế, Kế hoạch, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Thi đua, Khen thưởng và Tuyên truyền; tổng cục trưởng các tổng cục trực thuộc Bộ; cục trưởng các cục trực thuộc Bộ và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

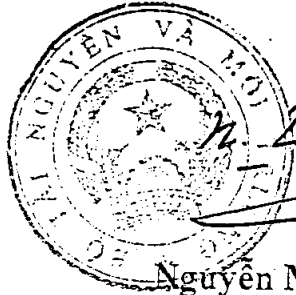
**BỘ TRƯỞNG**

*Nơi nhận:*

- Như Điều 3;
- Các Thứ trưởng;
- Bộ Nội vụ;
- Vụ CCHC, Bộ Nội vụ;
- Lưu: VT, TCCB.HĐ40.

*dm*

*Ch*



*Nguyễn Minh Quang*

Nguyễn Minh Quang



PHỤ LỤC

Bộ Chỉ số theo dõi, đánh giá cải cách hành chính của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ

(Ban hành theo Quyết định số 2314/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số (%)	Ghi chú
			Phiên điều tra	Đơn vị tự đánh giá	Bộ đánh giá			
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH	22						
1.1	Kế hoạch cải cách hành chính (CCHC) năm	5						
1.1.1	Kế hoạch CCHC năm của đơn vị ban hành đúng thời gian quy định (trong 1 tháng kể từ ngày Kế hoạch CCHC của Bộ ký ban hành)	1						
	Kế hoạch đúng thời gian quy định: 1							
	Kế hoạch chậm so với thời gian quy định: 0,5							
	Không có kế hoạch: 0							
1.1.2	Xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC (báo đảm đủ 6 nội dung CCHC và Chương trình CCHC của Bộ)	1						
	Xác định đầy đủ nhiệm vụ: 1							
	Không xác định đầy đủ nhiệm vụ: 0							
1.1.3	Các kết quả trong kế hoạch được xác định rõ ràng, cụ thể	1						
	Đạt yêu cầu: 1							
	Không đạt yêu cầu: 0							
1.1.4	Kết quả thực hiện kế hoạch CCHC	2						
	Thực hiện từ 80% kế hoạch trở lên: 2							
	Thực hiện từ 50% đến dưới 80% kế hoạch: 1							
	Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0							
1.2	Báo cáo CCHC	1,5						
1.2.1	Số lượng báo cáo (2 báo cáo quý, báo cáo 6 tháng và báo cáo năm)	0,5						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số (%)	Ghi chú
			Phiếu điều tra	Đơn vị tự đánh giá	Bộ đánh giá			
	Đủ số lượng báo cáo: 0,5							
	Không đủ số lượng báo cáo: 0							
1.2.2	Tất cả báo cáo có đầy đủ nội dung theo hướng dẫn	0,5						
	Đủ nội dung: 0,5							
	Không đủ nội dung: 0							
1.2.3	Tất cả báo cáo được gửi đúng thời gian quy định	0,5						
	Đúng thời gian quy định: 0,5							
	Không đúng thời gian quy định: 0							
1.3	Kiểm tra công tác CCHC	3,5						
1.3.1	Kế hoạch kiểm tra CCHC đối với các tổ chức thuộc đơn vị (có KH kiểm tra CCHC riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch công tác hàng năm khác)	1						
	Có kế hoạch kiểm tra: 1							
	Không có kế hoạch kiểm tra: 0							
1.3.2	Kết quả thực hiện kế hoạch kiểm tra	1,5						
	Thực hiện từ 80% kế hoạch trở lên: 1,5							
	Thực hiện từ 50% đến dưới 80% kế hoạch: 1							
	Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0							
1.3.3	Xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1						
	100% các vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1							
	Từ 80% đến dưới 100% vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,75							
	Từ 50% đến dưới 80% vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5							
	Dưới 50% vấn đề phát hiện qua kiểm tra không xử lý hoặc không kiến nghị xử lý: 0							
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	2,5						
1.4.1	Kế hoạch tuyên truyền CCHC	1						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số (%)	Ghi chú
			Phần điều tra	Đơn vị đánh giá	Bộ đánh giá			
	<i>Có kế hoạch: 1</i>							
	<i>Không có kế hoạch: 0</i>							
1.4.2	Hình thức tuyên truyền	0,5						
	<i>Thực tiếp: 0,25</i>							
	<i>Sử dụng phương tiện tuyên truyền khác (qua Internet, CD, báo...): 0,25</i>							
1.4.3	Kết quả thực hiện kế hoạch	1						
	<i>Thực hiện từ 80% kế hoạch trở lên: 1</i>							
	<i>Thực hiện từ 50% đến dưới 80% kế hoạch: 0,5</i>							
	<i>Thực hiện dưới 50%: 0</i>							
1.5	Sự năng động trong chỉ đạo, điều hành CCHC	1,5						
1.5.1	Gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua, khen thưởng	1						
	<i>Có thực hiện: 1</i>							
	<i>Không thực hiện: 0</i>							
1.5.2	Sáng kiến trong thực hiện công tác CCHC	0,5						
	<i>Có sáng kiến: 0,5</i>							
	<i>Không có sáng kiến: 0</i>							
1.6	Sự phối hợp trong công tác chỉ đạo, điều hành CCHC	2						
1.6.1	Tham gia các cuộc họp, hội nghị, hội thảo... của Bộ về CCHC	1						
	<i>Tham gia tất cả các cuộc họp, hội nghị, hội thảo: 1</i>							
	<i>Tham gia từ 50% đến dưới 100% các cuộc họp, hội nghị, hội thảo: 0,5</i>							
	<i>Tham gia dưới 50% các cuộc họp, hội nghị, hội thảo: 0</i>							
1.6.2	Sự tham gia lãnh đạo của tổ chức Đảng, đoàn thể	1						
	<i>Cả tổ chức Đảng và đoàn thể tham gia: 1</i>							
	<i>Chỉ có tổ chức Đảng hoặc đoàn thể tham gia: 0,5</i>							

*Cal*

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số (%)	Ghi chú
			Phiên điều tra	Đơn vị tự đánh giá	Bộ đánh giá			
	<i>Không tham gia: 0</i>							
1.7	Kết quả chỉ đạo, điều hành CCHC của đơn vị	6						
1.7.1	Chất lượng các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC của đơn vị	2					Phiếu DT	
1.7.2	Tình kịp thời của các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC của đơn vị	2					Phiếu DT	
1.7.3	Bố trí nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ CCHC của đơn vị	2					Phiếu DT	
2	<b>XÂY DỰNG VÀ TỎ CHỨC THỰC HIỆN THÌE CHẾ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA ĐƠN VỊ</b>	12,5						
2.1	Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) thuộc phạm vi quản lý nhà nước (QLNN) của đơn vị	3,5						
2.1.1	Kết quả thực hiện kế hoạch xây dựng VBQPPL hàng năm của đơn vị đã được Bộ phê duyệt	3						
	<i>Thực hiện từ 80% kế hoạch trở lên: 3</i>							
	<i>Thực hiện từ 50% đến dưới 80% kế hoạch: 2</i>							
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>							
2.1.2	Thực hiện quy trình xây dựng VBQPPL	0,5						
	<i>Đúng quy định: 0,5</i>							
	<i>Không đúng quy định: 0</i>							
2.2	<b>Công tác rà soát, hệ thống hóa VBQPPL</b>	2						
2.2.1	Ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	0,5						
	<i>Ban hành kế hoạch kịp thời: 0,5</i>							
	<i>Ban hành kế hoạch chưa kịp thời: 0,25</i>							
	<i>Không ban hành kế hoạch: 0</i>							
2.2.2	Kết quả thực hiện kế hoạch rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	1						
	<i>Thực hiện từ 80% kế hoạch trở lên: 1</i>							
	<i>Thực hiện từ 50% đến dưới 80% kế hoạch: 0,5</i>							



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số (%)	Ghi chú
			Phieu dien tra	Đơn vị đánh giá	Bộ đánh giá			
	Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0							
2.2.3	Báo cáo kết quả rà soát theo hướng dẫn	0,5						
	Đủ nội dung và đúng thời hạn: 0,5							
	Không đủ nội dung nhưng đúng thời hạn hoặc ngược lại: 0,25							
	Không đủ nội dung và không đúng thời hạn: 0							
2.3	Thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi QLNN của đơn vị	2						
2.3.1	Ban hành kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật của đơn vị	0,5						
	Có ban hành kế hoạch: 0,5							
	Không ban hành kế hoạch: 0							
2.3.2	Kết quả thực hiện kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	1						
	Thực hiện từ 80% kế hoạch trở lên: 1							
	Thực hiện từ 50% đến dưới 80% kế hoạch: 0,5							
	Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0							
2.3.3	Hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật	0,5						
	Từ 2 hình thức trở lên: 0,5							
	Dưới 2 hình thức: 0							
2.4	Đề xuất của đơn vị về thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật thuộc phạm vi QLNN của Bộ	2						
2.4.1	Đề xuất nội dung thanh tra, kiểm tra	0,5						
	Có đề xuất: 0,5							
	Không đề xuất: 0							
2.4.2	Cử người tham gia đoàn thanh tra của Bộ	0,5						
	Cử đủ người theo yêu cầu của Bộ: 0,5							
	Cử không đủ người theo yêu cầu của Bộ: 0,25							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số (%)	Ghi chú
			Phiếu điều tra	Đơn vị tự đánh giá	Bộ đánh giá			
	<i>Không có người tham gia: 0</i>							
2.4.3	Dễ xuất xử lý các vấn đề thuộc phạm vi QLNN của đơn vị được phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	1						
	<i>Từ 50% trở lên các vấn đề thuộc phạm vi QLNN của đơn vị được phát hiện đều có đề xuất xử lý: 1</i>							
	<i>Dưới 50% các vấn đề thuộc phạm vi QLNN của đơn vị được phát hiện có đề xuất xử lý: 0,5</i>							
	<i>Có vấn đề thuộc phạm vi QLNN của đơn vị được phát hiện nhưng không đề xuất hình thức xử lý: 0</i>							
2.5	<b>Đánh giá thể chế, cơ chế, chính sách thuộc phạm vi QLNN của Bộ do đơn vị đề xuất xây dựng, ban hành</b>	3						
2.5.1	Dễ xuất kịp thời thể chế, cơ chế, chính sách	1,5						Phiếu DT
2.5.2	Tính khả thi của thể chế, cơ chế, chính sách đề xuất	1,5						Phiếu DT
3	<b>CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>	16						
3.1	<b>Xây dựng dự thảo VBQPPL có quy định thủ tục hành chính (TTHC)</b>	3						
3.1.1	Đánh giá tác động quy định TTHC	2						
	<i>Tất cả các TTHC trong dự thảo được đánh giá theo quy định: 2</i>							
	<i>Đánh giá chưa đầy đủ: 1</i>							
	<i>Không đánh giá: 0</i>							
3.1.2	Lấy ý kiến góp ý về quy định TTHC	1						
	<i>Có lấy ý kiến: 1</i>							
	<i>Không lấy ý kiến: 0</i>							
3.2	<b>Công bố TTHC theo quy định</b>	2,5						
	<i>Công bố theo quy định: 2,5</i>							
	<i>Công bố chậm hoặc không công bố: 0</i>							

*Chú*

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chi số (%)	Ghi chú
			Phiếu điều tra	Đơn vị đánh giá	Bộ đánh giá			
3.3	Niên yết công khai TTHC <i>Niên yết công khai, đầy đủ theo quy định: 1</i> <i>Không niêm yết hoặc niêm yết không đầy đủ theo quy định: 0</i>	1						
3.4	Rà soát, đánh giá TTHC	1						
3.4.1	Kết quả rà soát, đơn giản hóa TTHC <i>Hoàn thành từ 80% trở lên: 0,5</i> <i>Hoàn thành từ 50% đến dưới 80%: 0,25</i> <i>Hoàn thành dưới 50%: 0</i>	0,5						
3.4.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát <i>Thực hiện hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các vấn đề qua rà soát: 0,5</i> <i>Không thực hiện: 0</i>	0,5						
3.5	Thực hiện giải quyết TTHC	3,5						
3.5.1	Giải quyết TTHC <i>Từ 80% TTHC trở lên được giải quyết đúng thời hạn: 2,5</i> <i>Từ 50% đến dưới 80% TTHC được giải quyết đúng thời hạn: 1</i> <i>Dưới 50% TTHC được giải quyết đúng thời hạn: 0</i>	2,5						
3.5.2	Công khai kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên trang thông tin điện tử của đơn vị hoặc của Bộ <i>Từ 80% kết quả giải quyết TTHC trở lên được công khai: 1 điểm</i> <i>Từ 50% đến dưới 80% kết quả giải quyết TTHC được công khai: 0,5 điểm</i> <i>Dưới 50% kết quả giải quyết TTHC được công khai: 0 điểm</i>	1						
3.6	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định hành chính	2						
3.6.1	Tiếp nhận, kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị <i>Từ 80% phản ánh, kiến nghị trở lên được xử lý hoặc đề nghị xử lý: 1</i>	1						



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá		Điểm đạt được	Chỉ số (%)	Ghi chú
			Phiên diện tra	Đơn vị tự đánh giá			
	Từ 50% đến dưới 80% phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc đề nghị xử lý: 0,75						
	Dưới 50% phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc đề nghị xử lý: 0						
3.6.2	Công khai kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị trên Cổng thông tin điện tử của đơn vị hoặc của Bộ	1					
	Từ 80% kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị trở lên được công khai: 1						
	Từ 50% đến dưới 80% kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị được công khai: 0,5						
	Dưới 50% kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị được công khai: 0						
3.7	Đánh giá TTHC thuộc phạm vi QLNN của đơn vị	3					
3.7.1	Tính cần thiết của TTHC thuộc phạm vi QLNN của đơn vị	1,5					Phiếu DT
3.7.2	Mức độ thuận tiện trong việc thực hiện TTHC thuộc phạm vi QLNN của đơn vị	1,5					Phiếu DT
4	<b>CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ</b>	12					
4.1	Tuân thủ các quy định của Chính phủ và của Bộ về tổ chức bộ máy	1,5					
	Thực hiện đầy đủ theo quy định: 1,5						
	Không thực hiện đầy đủ theo quy định: 0						
4.2	Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị	2					Phiếu DT
4.3	Kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các đơn vị trực thuộc	3,5					
4.3.1	Ban hành kế hoạch kiểm tra	1,5					
	Có kế hoạch kiểm tra: 1,5						
	Không có kế hoạch kiểm tra: 0						
4.3.2	Kết quả thực hiện kế hoạch kiểm tra	1					
	Thực hiện từ 80% kế hoạch trở lên: 1						
	Thực hiện từ 50% đến dưới 80% kế hoạch: 0,5						
	Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0						
4.3.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1					

*Cbu*

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số (%)	Ghi chú
			Phiếu điều tra	Đơn vị tự đánh giá	Bộ đánh giá			
	Từ 80% các vấn đề phát hiện có đề xuất xử lý trở lên: 1							
	Từ 50% đến dưới 80% các vấn đề phát hiện có đề xuất xử lý: 0,75							
	Dưới 50% các vấn đề phát hiện có đề xuất xử lý: 0,5							
	Có vấn đề phát hiện nhưng không đề xuất xử lý: 0							
4.4	Thực hiện phân cấp quản lý	3						
4.4.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ, Bộ ban hành về tổ chức bộ máy	1						
	Thực hiện đầy đủ các quy định: 1							
	Không thực hiện đầy đủ các quy định: 0							
4.4.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ thuộc phạm vi QLNN của đơn vị đã được phân cấp cho địa phương/tổ chức trực thuộc	1						
	Có thực hiện: 1							
	Không thực hiện: 0							
4.4.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	1						
	Từ 80% các vấn đề phát hiện trở lên có đề xuất xử lý: 1							
	Từ 50% đến dưới 80% các vấn đề phát hiện có đề xuất xử lý: 0,75							
	Dưới 50% vẫn đề phát hiện có đề xuất xử lý: 0,5							
	Có phát hiện nhưng không đề xuất xử lý: 0							
4.5	Quy chế làm việc của đơn vị	2						
4.5.1	Ban hành quy chế làm việc của đơn vị	1						
	Có ban hành: 1							
	Chưa ban hành: 0							
4.5.2	Thực hiện Quy chế làm việc của đơn vị	1						
	Thực hiện theo đúng Quy chế: 2							
	Thực hiện không đúng Quy chế: 0							

Che



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số (%)	Ghi chú
			Phiếu điều tra	Đơn vị đánh giá	Bộ đánh giá			
5	<b>XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC</b>	16,5						
5.1	Xây dựng kế hoạch biên chế hàng năm	1,5						
	<i>Có xây dựng và báo cáo đúng thời hạn: 1,5</i>							
	<i>Có xây dựng nhưng báo cáo không đúng thời hạn: 0,5</i>							
	<i>Không xây dựng, không báo cáo hoặc báo cáo không đúng thời hạn: 0</i>							
5.2	Tuyển dụng và bố trí sử dụng công chức, viên chức	3						
5.2.1	Xây dựng kế hoạch về tuyển dụng công chức tại các đơn vị	1						
	<i>Có xây dựng: 1</i>							
	<i>Có nhu cầu tuyển dụng nhưng không xây dựng: 0</i>							
5.2.2	Số tổ chức sự nghiệp trực thuộc tuyển dụng viên chức theo đúng quy định	1						
	<i>Từ 80% số đơn vị trở lên: 1</i>							
	<i>Dưới 80% số đơn vị: 0</i>							
5.2.3	Số đơn vị thực hiện tiếp nhận, bố trí công chức, viên chức theo đúng quy định của kế hoạch tuyển dụng	1						
	<i>Từ 80% số cơ quan, đơn vị trở lên: 1</i>							
	<i>Từ 50% đến dưới 80% số cơ quan, đơn vị: 0,5</i>							
	<i>Dưới 50% số cơ quan, đơn vị: 0</i>							
5.3	Công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức	2,5						
5.3.1	Ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức hàng năm của đơn vị	1						
	<i>Ban hành kịp thời: 1</i>							
	<i>Ban hành không kịp thời: 0,5</i>							
	<i>Không có kế hoạch: 0</i>							
5.3.2	Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của đơn vị	1,5						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số (%)	Ghi chú
			Phiếu điều tra	Đơn vị tự đánh giá	Bộ đánh giá			
	Thực hiện từ 80% kế hoạch trở lên: 1,5							
	Thực hiện từ 50% đến dưới 80% kế hoạch: 0,75							
	Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0							
5.4	<b>Đổi mới công tác quản lý công chức, viên chức</b>	3,5						
5.4.1	Thực hiện đánh giá công chức, viên chức của đơn vị trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao	1,5						
	Thực hiện đúng quy định và báo cáo đúng thời hạn: 1,5							
	Thực hiện đúng quy định nhưng báo cáo không đúng thời hạn hoặc ngược lại: 0,5							
	Không thực hiện, không báo cáo: 0							
5.4.2	Báo cáo số lượng, chất lượng công chức, viên chức định kỳ và đột xuất	1						
	Thực hiện đầy đủ và đúng thời hạn: 1							
	Thực hiện chưa đầy đủ hoặc không đúng thời hạn: 0							
5.4.3	Thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của đơn vị	1						
	Thực hiện theo đúng quy định: 1							
	Thực hiện không đúng quy định: 0							
5.5	<b>Chất lượng công chức, viên chức</b>	6						
5.5.1	Thực hiện quy trình bổ nhiệm công chức lãnh đạo, viên chức quản lý của đơn vị	1,5						
	Thực hiện đúng quy định: 1,5							
	Thực hiện không đúng quy định: 0							
5.5.2	Thực hiện quy trình luân chuyển, điều động cán bộ của đơn vị	1,5						
	Thực hiện đúng quy định: 1,5							
	Thực hiện không đúng quy định: 0							
5.5.3	Năng lực chuyên môn nghiệp vụ của công chức	1,5					Phiếu DT	
5.5.4	Thái độ, trách nhiệm đối với công việc của công chức	1,5					Phiếu DT	

*Cebu*

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số (%)	Ghi chú
			Phiếu điều tra	Đơn vị tự đánh giá	Bộ đánh giá			
6	<b>ĐỔI MỚI CƠ CHẾ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CƠ QUAN HÀNH CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP THUỘC ĐƠN VỊ</b>	8,5						
6.1	Thực hiện chế độ báo cáo theo quý, 6 tháng, năm	3						
6.1.1	Số lượng báo cáo	1						
	Báo cáo đầy đủ số lượng: 1							
	Báo cáo không đủ số lượng: 0							
6.1.2	Chất lượng báo cáo có đầy đủ nội dung theo quy định	1						
	Đạt yêu cầu: 1							
	Không đạt yêu cầu: 0							
6.1.3	Thời hạn báo cáo	1						
	Đúng thời hạn: 1							
	Không đúng thời hạn: 0							
6.2	Số tổ chức trực thuộc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ	1						
	100% các đơn vị ban hành: 1							
	Từ 50% đến dưới 100% các đơn vị ban hành: 0,5							
	Dưới 50% các đơn vị ban hành: 0							
6.3	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các tổ chức sự nghiệp trực thuộc đơn vị	2,5						
6.3.1	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp trực thuộc triển khai thực hiện	1						
	Từ 80% số đơn vị trở lên: 1							
	Từ 50% đến dưới 80% số đơn vị: 0,5							
	Dưới 50% số đơn vị: 0							
6.3.2	Tác động của việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập của đơn vị	1,5					Phiếu DT	
6.4	Quản lý sử dụng ngân sách được giao	2						

CD-

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số (%)	Ghi chú
			Phiếu điều tra	Đơn vị đánh giá	Bộ đánh giá			
6.4.1	Giao dự toán ngân sách cho các đơn vị trực thuộc <i>Kịp thời, đúng quy định: 1</i> <i>Chưa kịp thời hoặc không đúng quy định: 0</i>	1						
6.4.2	Quản lý sử dụng ngân sách <i>Đúng quy định: 1</i> <i>Không đúng quy định: 0</i>	1						
7	<b>HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH</b>	12,5						
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của đơn vị	4						
7.1.1	Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT của đơn vị <i>Có kế hoạch: 0,5</i> <i>Không có kế hoạch: 0</i>	0,5						
7.1.2	Kết quả thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT của đơn vị được phê duyệt <i>Từ 80% kế hoạch trở lên: 1</i> <i>Từ 50% đến dưới 80% kế hoạch: 0,5</i> <i>Dưới 50% kế hoạch: 0</i>	1						
7.1.3	Số tổ chức trực thuộc đơn vị triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản <i>Từ 80% số đơn vị trở lên triển khai ứng dụng: 1</i> <i>Từ 50% đến dưới 80% số đơn vị triển khai ứng dụng: 0,75</i> <i>Dưới 50% số đơn vị triển khai ứng dụng: 0</i>	1						
7.1.4	Số tổ chức trực thuộc đơn vị sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc <i>Từ 80% số đơn vị trở lên sử dụng: 1</i> <i>Từ 50% đến dưới 80% số đơn vị sử dụng: 0,5</i> <i>Dưới 50% số đơn vị sử dụng: 0</i>	1						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số (%)	Ghi chú
			Phiếu điều tra	Đơn vị đánh giá	Bộ đánh giá			
7.1.5	Mức độ sử dụng thư điện tử trong giải quyết công việc của công chức, viên chức thuộc đơn vị	0,5						
	Từ 70% trở lên sử dụng: 0,5							
	Dưới 70% sử dụng: 0							
7.2	Cung cấp thông tin trên Công thông tin điện tử của đơn vị	4,5						
7.2.1	Tính kịp thời của thông tin	1						
	Tất cả các thông tin mới thuộc lĩnh vực QLNN của đơn vị được đưa lên Cổng thông tin điện tử của đơn vị (trừ thông tin không được đưa tin theo quy định) từ 01 đến 05 ngày, kể từ khi thông tin có hiệu lực: 1							
	Tất cả các thông tin mới thuộc lĩnh vực QLNN của đơn vị được đưa lên Cổng thông tin điện tử của đơn vị (trừ thông tin không được đưa tin theo quy định) từ sau 06 ngày trở đi, kể từ khi thông tin có hiệu lực: 0							
7.2.2	Mức độ đầy đủ của thông tin về các lĩnh vực QLNN của đơn vị	1						
	Thông tin mới thuộc lĩnh vực QLNN của đơn vị được đưa lên Cổng thông tin điện tử của đơn vị đầy đủ (không thiếu, không sót) so với thông tin gốc: 1							
	Thông tin mới thuộc lĩnh vực QLNN của đơn vị được đưa lên Cổng thông tin điện tử của đơn vị còn thiếu, còn sót so với thông tin gốc: 0							
7.2.3	Mức độ thuận tiện trong truy cập, khai thác thông tin trên Công thông tin điện tử của đơn vị	1						
	Công thông tin điện tử của đơn vị truy cập được bất cứ lúc nào: 1							
	Công thông tin điện tử của đơn vị không đảm bảo truy cập được bất cứ lúc nào: 0							
7.2.4	Đánh giá mức độ kịp thời, đầy đủ thông tin, văn bản về lĩnh vực quản lý của đơn vị được cung cấp trên Công thông tin điện tử của đơn vị	1,5						Phiếu DT
7.3	Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 trong hoạt động của đơn vị (sau đây viết tắt là ISO)	4						
7.3.1	Ban hành danh mục các thủ tục hành chính, quy trình xử lý công việc áp dụng tiêu chuẩn ISO của đơn vị	1						

Ch



STT	Lĩnh vực/Tiên chí/Tiền chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số (%)	Ghi chú
			Phiếu điều tra	Đơn vị tự đánh giá	Bộ đánh giá			
	<i>Có ban hành: 1</i>							
	<i>Không ban hành: 0</i>							
7.3.2	Số tổ chức trực thuộc đơn vị công bố thực hiện ISO	2						
	<i>Từ 80% số đơn vị trở lên: 2</i>							
	<i>Từ 50 % đến dưới 80% số đơn vị: 1</i>							
	<i>Dưới 50% số đơn vị: 0</i>							
7.3.3	Số tổ chức thực hiện đúng quy định ISO trong hoạt động	1						
	<i>Từ 80% số đơn vị trở lên: 1</i>							
	<i>Từ 50% đến dưới 80% số đơn vị: 0,5</i>							
	<i>Dưới 50% số đơn vị: 0</i>							
	<b>TỔNG</b>	<b>100</b>						

Tổng điểm tối đa	Tổng điểm đánh giá			Tổng điểm đạt được	Chỉ số CCHC
	Phiếu điều tra	Đơn vị tự đánh giá	Bộ đánh giá		
<b>Kết quả đạt được</b>					



## **PHỤ LỤC 2**

**Bảng tổng hợp Chỉ số cải cách hành chính năm 2014  
của các tổng cục, cục trực thuộc Bộ qua phân tích  
các chỉ số thành phần**



**BẢNG TỔNG HỢP CHỈ SỐ CCHC NĂM 2014 CỦA CÁC TỔNG CỤC, CỤC TRỰC THUỘC BỘ  
QUA PHÂN TÍCH CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN**

T	Đơn vị	Chỉ đạo, điều hành CCHC (tối đa 22 điểm)			XD và thực hiện thể chế thuộc phạm vi QLNN (tối đa 12,5 điểm)			Cải cách thủ tục hành chính (tối đa 16 điểm)			Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước (tối đa 12 điểm)			Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức (tối đa 16,5 điểm)			Đổi mới cơ chế tài chính công (tối đa 8,5 điểm)			Hiện đại hóa hành chính (tối đa 12,5 điểm)			Chỉ số CCHC		
		Tỷ chấm (16)	Thêm điểm (16)	ĐT XHH (6)	Tỷ chấm (9,5)	Thêm điểm (9,5)	ĐT XHH (3)	Tỷ chấm (13)	Thêm điểm (13)	ĐT XHH (3)	Tỷ chấm (10)	Thêm điểm (10)	ĐT XHH (2)	Tỷ chấm (13,5)	Thêm điểm (13,5)	ĐT XHH (3)	Tỷ chấm (7)	Thêm điểm (7)	ĐT XHH (1,5)	Tỷ chấm (11)	Thêm điểm (11)	ĐT XHH (1,5)	Tỷ chấm (80)	Thêm điểm (80)	ĐT XHH (20)
1	Cục Quản lý tài nguyên nước	15,50	14,50	4,53	9,50	9,50	2,12	13,00	10,50	2,59	10,00	1,59	13,50	13,00	2,33	7,00	6,00	1,14	11,00	10,00	0,73	79,50	73,50	15,04	<b>86,54</b>
2	Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam	15,25	11,50	4,47	9,50	8,00	2,09	13,00	13,00	2,62	9,50	1,58	13,50	13,00	2,31	7,00	6,00	1,11	10,00	11,00	0,70	77,75	72,00	14,98	<b>86,88</b>
3	Tổng cục Quản lý đất đai	16,00	14,00	4,44	9,50	9,00	2,04	13,00	9,50	2,56	10,00	1,60	13,50	12,00	2,34	6,00	6,00	1,09	11,00	9,50	0,70	79,00	70,00	14,76	<b>84,76</b>
4	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	16,00	11,50	4,50	9,50	5,50	2,08	12,00	9,50	2,49	10,00	1,59	13,50	12,00	2,33	6,00	6,00	1,14	11,00	9,50	0,72	78,00	64,00	14,84	<b>78,84</b>
5	Cục Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu	12,75	7,75	4,48	9,50	5,00	2,10	13,00	12,00	2,56	6,50	1,58	13,00	13,00	2,30	7,00	6,00	1,08	10,50	11,00	0,71	72,25	61,25	14,80	<b>76,05</b>
6	Tổng cục Môi trường	16,00	14,50	4,38	9,50	3,75	2,05	13,00	5,50	2,58	10,00	1,59	13,50	13,00	2,31	6,00	6,00	1,10	11,00	7,00	0,71	79,00	59,75	14,73	<b>74,48</b>
7	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	15,75	10,75	4,30	9,50	9,00	2,00	13,00	9,50	2,57	10,00	1,49	13,50	8,50	2,18	6,00	6,00	1,03	9,50	9,25	0,67	77,25	59,50	14,24	<b>73,74</b>

